

1.1. Thể chế chính trị

Vương quốc Thái Lan nằm ở Đông Nam Á, rộng 513.100 km², có 61,6 triệu dân. Thủ đô là Băng Cốc. Sau một thời gian dài phát triển nhanh, kinh tế Thái Lan rơi vào suy thoái tháng 7/1997. Từ năm 2000, kinh tế ổn định trở lại nhưng không đạt được tốc độ bền vững như trước.

Thái Lan là nước duy nhất ở Đông Nam Á không bị thực dân phương Tây xâm lược. Năm 1932, chế độ quân chủ lập hiến được thiết lập thông qua một cuộc đảo chính. Từ khi lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế năm 1932, Thái Lan đã có 17 hiến pháp và sửa đổi. Trong suốt quá trình đó, chính phủ liên tiếp chuyển đổi qua lại từ chế độ độc tài quân sự sang chế độ dân chủ, nhưng tất cả các chính phủ đều thừa nhận triều đại cha truyền con nối như lãnh đạo tối cao của dân tộc[

Theo Hiến pháp năm 1992, quân đội vẫn kiểm soát Thượng viện. Hiến pháp năm 1992, quân đội vẫn kiểm soát Thượng viện. Hiến pháp năm 1997 đã loại bỏ vai trò của quân đội ra khỏi đời sống chính trị. Thượng viện được bầu trực tiếp lần đầu tiên vào đầu năm 2000. Vua Phu-mi-phôn A-đu-da-dệt trị vì Thái Lan từ năm 1946.

1.2. Cơ cấu quyền lực

Hiến pháp lâm thời công bố năm 1932 thiết lập chế độ quân chủ lập hiến ở Thái Lan. Bản Hiến pháp này được sửa thường xuyên. Ngày 27 tháng 9 năm 1997, Quốc hội thông qua Hiến pháp mới, được chấp nhận bởi nhà Vua và được công bố ngày 11 tháng 10 năm 1997.

1.2.1. Nhà Vua

Nguyên thủ quốc gia là Nhà Vua: Được coi là thiêng liêng và bất khả xâm phạm. Về danh nghĩa Nhà Vua là người đứng đầu nhà nước, Tổng Tư lệnh quân đội và là người bảo trợ Phật giáo. Vua là một người đạo Phật và bảo hộ các tôn giáo. Nhà Vua ở vị trí thiêng liêng, bất khả xâm phạm, đứng đầu các lực lượng vũ trang.

Vua có đặc quyền xóa bỏ các tước vị, danh hiệu, trao tặng hoặc thu hồi huân chương, có quyền sáng tạo luật lệ, giải tán Hạ viện và ấn định bầu cử mới. Vua có quyền ban hành sắc lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp (có tiếp kí của Bộ trưởng) sẽ có hiệu lực như một đạo luật để bảo vệ quốc gia hoặc an ninh trật tự, an ninh kinh tế quốc gia, ngăn ngừa tai họa công cộng.

Vua có thẩm quyền chỉ định, miễn nhiệm quan chức trong ngành quân chính và dân chính gồm: Bộ trưởng, Tổng giám đốc hoặc Tương đương (quyền bổ nhiệm Thủ tướng Chính phủ phải có chữ ký của Chủ tịch Quốc hội). Vua lựa chọn và bổ nhiệm những người có đủ khả năng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng cơ mật (Hội đồng Nhà Vua) và không quá 18 Ủy viên để thiết lập Hội đồng cơ mật, cơ quan tư vấn cho Vua về tất cả các lĩnh vực thuộc nhiệm vụ của Vua. Bất cứ lúc nào Vua vắng mặt khỏi Vương quốc hoặc không có khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì Vua bổ nhiệm một Quan nhiếp chính.

1.2.2. Quốc hội

Theo Hiến pháp ngày 24/8/2007, Quốc hội Thái Lan là Quốc hội lưỡng viện. Hạ viện (cơ quan lập pháp) gồm 480 ghế và Thượng viện gồm 150 ghế.

Quốc hội gồm Hạ viện và Thượng viện và Hạ viện có tiếng nói chính trị quan trọng hơn so với Thượng viện. Chủ tịch Hạ viện là Chủ tịch Quốc hội. Chủ tịch Thượng viện là Phó Chủ tịch Quốc hội.

Hạ viện

Hạ viện gồm 500 thành viên trong đó có 100 thành viên được bầu theo danh sách các đảng và 400 thành viên còn lại bầu trên cơ sở đơn vị bầu cử, đều bằng phổ thông đầu phiếu. Các đảng phải nhận được ít nhất 5% tổng số phiếu bầu trong cả nước để được tính đến tỷ lệ ghế có được trong Hạ viện. Một người được bầu vào Hạ viện phải có quốc tịch Thái gốc, không dưới 25 tuổi, tốt nghiệp đại học, không thấp hơn trình độ tú tài hoặc tương đương, trừ trường hợp quy định khác đi trong Hiến pháp. Nhiệm kỳ Hạ viện là 4 năm. Vua có đặc quyền giải tán Hạ viện để tổ chức cuộc bầu cử mới. Các thành viên Hạ viện không từ bỏ việc nhập đảng đoàn của họ ngoài việc từ bỏ chức vụ của họ.

Thượng viện

Thượng viện gồm 200 thành viên được bầu bởi phổ thông đầu phiếu. Mọi ứng cử viên phải là người Thái chính gốc, không dưới 40 tuổi, tốt nghiệp đại học, không thấp hơn trình độ tú tài hoặc tương đương. Nhiệm kỳ Thượng viện là 6 năm. Thượng nghị sỹ không được tranh cử liên tiếp 2 nhiệm kỳ, không tham gia đảng phái, không được vận động bầu cử. Khi cần thiết, để phục vụ công việc quan trọng của Nhà nước, Vua có thể triệu tập phiên họp đặc biệt của Quốc hội. Hiến pháp quy định về việc sửa đổi Hiến pháp. Một kiến nghị sửa đổi phải dựa trên sự đề xuất của Hội đồng Bộ trưởng, từ 1/5 tổng số thành viên toàn thể Hạ viện hoặc Quốc hội. Một kiến nghị sửa đổi phải đề xuất một Ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp và Quốc hội sẽ xem xét trong 3 lần đọc. Việc ban hành phải được phê chuẩn của trên 1/2 tổng số thành viên của 2 viện Quốc hội.

Một dự thảo luật được Quốc hội tán thành sẽ được Thủ tướng trình Vua ký ban hành trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được và luật có hiệu lực khi công bố trong công báo của Chính phủ. Nếu Vua từ chối phê chuẩn, Quốc hội phải thảo luận kỹ lại dự thảo luật đó. Nếu Quốc hội kiên quyết thông qua với 2/3 số thành viên thì Thủ tướng sẽ trình Vua ký một lần nữa. Nếu Vua không ký và trả lại dự thảo luật trong vòng 30 ngày, Thủ tướng sẽ đưa dự luật tới công bố trên công báo và dự luật đó có hiệu lực như một đạo luật cho dù Vua có ký hay không. Các chủ thể có quyền trình dự án luật là: Chính phủ, đại biểu Quốc hội hoặc tập thể gồm ít nhất 50.000 người dân cùng đứng tên.

1.2.3. Chính phủ

Chính phủ bao gồm 36 thành viên gồm 3 Phó Thủ tướng, 21 Bộ trưởng và 11 Thứ trưởng. Ngoài ra còn có một số Ủy ban của Chính phủ được lập ra để phối hợp thực hiện các chính sách chung.

Thủ tướng

Theo quy định trong Hiến pháp, Thủ tướng Thái Lan phải là một thành viên trong quốc hội. Trong khi đó, các thành viên trong Nội các chính phủ không nhất thiết phải là các thành viên trong quốc hội. Cuộc bầu cử Thủ tướng dân chủ đầu tiên sau đảo chính 2006 được tổ chức ngày 3 tháng 7 năm 2011, Đảng Pheu Thái của bà Yingluck Shinawatra, em

gái cựu thủ tướng bị lật đổ Thaksin Shinawatra đã thắng lợi áp đảo với 263 ghế, dẫn trước Đảng Dân chủ cầm quyền của Thủ tướng Abhisit Vejjajiva với 161 ghế trong 500 ghế quốc hội. Với chiến thắng này đã đưa bà Yingluck Shinawatra trở thành nữ thủ tướng đầu tiên trong lịch sử Thái Lan sau sáu đời nam thủ tướng với nhiều bất ổn trong chính trường.

Hội đồng Bộ trưởng

Hội đồng Bộ trưởng gồm Thủ tướng và không nhiều hơn 35 Bộ trưởng khác (tính cả các Thứ trưởng). Hội đồng Bộ trưởng là cơ quan hành pháp, có nhiệm vụ tiến hành quản lý công việc nhà nước. Thủ tướng do Vua bổ nhiệm trong cá thành viên Hạ viện và phải được sự tán thành của trên ½ tổng số thành viên Hạ viện. Các Bộ trưởng do Vua bổ nhiệm theo sự tiến cử của Thủ tướng. Không có Thủ tướng nào đồng thời là thành viên của cả Hạ viện hoặc Thượng viện. Thủ tướng phải có quốc tịch Thái Lan gốc, bằng hoặc trên 35 tuổi và tốt nghiệp đại học, không thấp hơn trình độ tú tài hoặc tương đương. Nhà nước thiết lập Hội đồng xã hội và kinh tế quốc gia có nhiệm vụ tư vấn, giới thiệu với Hội đồng Bộ trưởng các vấn đề kinh tế - xã hội.

1.2.4. Hệ thống tư pháp

Tòa án tối cao xử phúc thẩm cao nhất tất cả các trường hợp về dân sự, phá sản, lao động, vị thành niên và hình sự. Đứng đầu Tòa án tối cao là Chánh án. Kháng án từ tất cả các tòa cấp một loại trừ Tòa án lao động Trung ương đều chuyển tới Tòa phúc thẩm.

Ngoài ra còn có Tòa đệ nhất gồm Tòa dân sự, Tòa hình sự, Tòa gia đình, Tòa vị thành niên (ở Trung ương), Tòa lao động trung ương và Tòa thuế vụ trung ương, các Tòa án tỉnh, Tòa án dân sự Thon-Bu-ri, Tòa hình sự Thon-Bu-ri, Tòa dân sự Nam Băng Cốc, Tòa hình sự Nam Băng Cốc và các Tòa sơ thẩm.

1.3. **Đảng phái chính trị**

Hiện tại ở Thái Lan, có thể kể tên một số đảng như sau:

1.3.1. Đảng lớn:

Đảng Vì nước Thái (Pheu Thái)

Đảng này ban đầu được thành lập bởi Thaksin Shinawatra. Đảng Pheu Thái được lập ngày 20 tháng 9 năm 2008 với dự định thay thế Đảng Quyền lực Nhân dân bị Tòa án hiến pháp Thái Lan giải tán ít hơn 3 tháng sau khi phát hiện các đảng viên đảng này có tội gian lận bầu cử. Vào tháng 5 năm 2011, Đảng Pheu Thai, đảng đối lập trong Quốc hội Thái Lan và vốn vẫn có quan hệ mật thiết với ông Thaksin, đã đề cử bà Yingluck Shinawatralà ứng cử viên cho chức vụ thủ tướng nếu họ thắng cử vào cuộc Tổng tuyển cử cùng năm. Kết quả ban đầu của cuộc bầu cử tháng 7 năm 2011 cho thấy đảng của bà giành được 260 ghế trên tổng số 500 ghế tại Quốc hội Thái Lan, tức đã quá bán để hình thành một chính phủ đa số. Yingluck hiện đang tiến gần tới việc sẽ là nữ thủ tướng đầu tiên của Thái Lan.

Đảng Dân chủ:

Đảng Dân chủ là chính đảng lâu đời nhất của Thái Lan và hiện là đảng đối lập lớn nhất tại quốc gia này. Đảng này có một hệ tư tưởng tự do và trung tả, so với Đảng người Thái yêu người Thái, đối thủ chính của đảng này. Các cơ sở ủng hộ hiện nay của đảng này tập trung

vào dân chúng trung lưu và thượng lưu ở Bangkok và phần lớn cử tri ở miền Nam Thái Lan. Đảng này hiện đã bị giải thể.

Quốc Dân Đảng Thái Lan (Đảng Chart Thai)

Đảng Chart Thai là một chính đảng bảo thủ ở Thái Lan. Trong cuộc bầu cử năm 2001, Chart Thai giành được 41 ghế và đã tham gia một liên minh đa số với đảng lớn nhất, Đảng Thai Rak Thai. Đảng này đánh mất một số phiếu trong cuộc bầu cử năm 2005, dù có sự ủng hộ của tay tài phiệt massage và chính trị Chuwit Kamolvisit. Đảng này đã giành được 11,4% phiếu bầu phổ thông và giành được 27/438 ghế. Đảng này đã đoàn kết với 2 đảng đối lập chính để tẩy chay cuộc bầu cử tháng 4 năm 2006 với hy vọng chính phủ mới không thể thành lập được. Lãnh đạo hiện nay của đảng này là Banharn Silpa-Archa.

Đảng Sức mạnh Nhân dân (PPP)

Đảng Sức mạnh Nhân dân (Palang Prachachon; PPP) là một chính đảng Thái Lan. Lãnh đạo đảng này là Somchai Wongsawat (tạm quyền); Tổng bí thư đảng này là Surapong Suebwonglee và người phát ngôn của đảng là Kuthep Saikrajarng.

1.3.2. Các đảng khác

Đảng Công dân

Đảng Phát triển Dân tộc

Đảng Hành động Xã hội

Đảng Tổ quốc Thái

Phak Khonkhoplodnee

Đảng Khát vọng Mới

Đảng Quần chúng (chính đảng của Liên minh Dân chủ Nhân dân)

1.4. Phân chia địa phương, lãnh thổ và địa giới hành chính

Thái Lan được chia làm 76 tỉnh, trong đó có 2 thành phố trực thuộc trung ương: Bangkok và Pattaya. Do có phân cấp hành chính tương đương cấp tỉnh, Bangkok thường được xem là tỉnh thứ 76 của Thái Lan.

Các tỉnh được chia thành các huyện hoặc quận. Năm 2006, Thái Lan có 877 huyện và 50 quận (thuộc Bangkok). Một số phần của các tỉnh giáp ranh với Bangkok (như Nonthaburi, Pathum Thani, Samut Prakan, Nakhon Pathom và Samut Sakhon) thường được gộp chung và được biết đến như Vùng đô thị Bangkok. Các tỉnh đều có tỉnh lỵ trùng tên với mình (nếu là tỉnh Phuket thì có thủ phủ là Amphoe Mueang Phuket hay Phuket). Các huyện được chia thành các xã trong khi các quận được chia thành các phường Các xã được chia thành các thôn

Các đô thị của Thái Lan gồm ba cấp, thành phố, thị xã và thị. Nhiều thành phố và thị xã đồng thời là tỉnh lỵ. Tuy nhiên một tỉnh có thể có tới hai thành phố và vài thị xã.

Theo quy định của Hiến pháp, bất cứ địa phương có được địa vị tự trị sẽ được quản lý theo quy định của pháp luật. Mỗi đơn vị hành chính địa phương có Hội đồng địa phương, Ủy ban hành chính địa phương hoặc Ủy ban quản lý địa phương. Các thành viên Hội đồng địa phương được bầu trực tiếp bởi phổ thông đầu phiếu. Ủy ban hành chính địa phương hoặc Ủy ban quản lý địa phương được bầu trực tiếp bởi nhân dân hoặc sự phê chuẩn của Hội đồng địa phương. Thành viên của Hội đồng địa phương, Ủy ban hành chính hoặc quản lý địa phương có nhiệm kỳ 4 năm.

Thái Lan chia làm 76 tỉnh, đứng đầu mỗi tỉnh là Tỉnh trưởng do Bộ Nội vụ bổ nhiệm, 2 Phó tỉnh trưởng cũng do Bộ Nội vụ bổ nhiệm. Tỉnh chia thành quận, huyện; quận, huyện chia tiếp thành phường, xã; phường, xã chia tiếp thành làng.

Luật Công vụ Thái Lan Năm 2551 Phất lịch (2008)

ĐỨC VUA BHUMIBOL ADULYADEJ, REX;

Nhằm ngày 23 tháng Giêng năm 2551 Phất lịch (2008);
Tức năm thứ 63 của triều đại hiện hành.

Đức vua Bhumibol Adulyadej trịnh trọng tuyên bố rằng:

Xét thấy vì lợi ích thiết thực phải sửa đổi Luật Công vụ;

Nhận thấy Luật này có các điều khoản quy định liên quan đến việc hạn chế các quyền và các quyền tự do của con người, xét về vấn đề này điều 29, liên quan tới điều 31, điều 33, điều 34 và điều 64 của Hiến pháp Vương quốc Thái Lan đã cho phép theo luật định;

Vì thế, nay Đức vua ban hành Luật này chiếu theo sự tham mưu và đồng ý của Quốc hội Lập pháp như sau:

Điều 1: Luật này có tên gọi là “Luật Công vụ Năm 2551 Phất lịch (2008)”.

Điều 2: Luật này sẽ có hiệu lực kể từ ngày được công bố tại Công báo Chính phủ.

Điều 3: Nay bãi bỏ những Luật sau đây:

- (1) Luật Công vụ Năm 2535 Phất lịch (1992);
- (2) Luật Công vụ (Số 2) Năm 2537 Phất lịch (1994);
- (3) Luật Công vụ (Số 3) Năm 2538 Phất lịch (1995);
- (4) Luật Công vụ (Số 4) Năm 2544 Phất lịch (2001).

Sắc lệnh của Thủ lĩnh Đảng Cách mạng Số 38/2519, ngày 21 tháng Mười năm 2519 Phật lịch (1976) sẽ không áp dụng đối với công chức.

Điều 4: Trong Luật này:

- “Công chức” có nghĩa là một người được đặt vào hoặc được bổ nhiệm để thực thi phục vụ Chính phủ theo Luật này và được hưởng lương từ các khoản phân bổ ngân sách cho các Bộ và các Cục/Vụ;
- “Quan chức Chính phủ” có nghĩa là một quan chức dân sự và quan chức khác trong một bộ dân sự và Cục/Vụ chịu sự điều chỉnh của luật về quản lý hành chính đối với loại quan chức đó;
- “Bộ” bao gồm văn phòng Thủ tướng và các thứ Bộ;
- “Bộ trưởng chịu trách nhiệm” nghĩa là một Bộ trưởng chịu trách nhiệm về một Bộ, Bộ trưởng chịu trách nhiệm về một thứ Bộ và bao gồm Thủ tướng với vai trò của một người chịu trách nhiệm về Văn phòng Thủ tướng và Thủ tướng hoặc Bộ trưởng với vai trò của một người chịu trách nhiệm về một cơ quan Chính phủ cấp Cục/Vụ không gắn với bất kỳ Bộ nào;
- “Thư ký Thường trực” bao gồm Thư ký Thường trực của Văn phòng Thủ tướng và Thư ký Thường trực của một thứ Bộ;
- “Cục/Vụ” bao gồm một cơ quan Chính phủ có địa vị của một Cục/Vụ;
- “Tổng Giám đốc” có nghĩa là người đứng đầu của một cơ quan Chính phủ có địa vị của một Cục/Vụ hoặc tương đương với một Cục/Vụ;
- “Cơ quan Chính phủ” có nghĩa là các cơ quan Chính phủ chịu sự điều chỉnh của luật về tái tổ chức các Bộ, các thứ Bộ, các Cục/Vụ và các cơ quan Chính phủ được thành lập theo luật về hành chính quốc gia có địa vị không thấp hơn một Cục/Vụ.

Điều 5: Thủ tướng chịu trách nhiệm và kiểm soát việc thực hiện Luật này.

PHẦN I BAN CÔNG VỤ

Điều 6: Sẽ thành lập một Ban Công vụ, viết tắt tiếng Anh là “CSC”, bao gồm Thủ tướng hoặc Phó Thủ tướng do Thủ tướng chỉ định làm Trưởng ban, Thư ký Thường trực của Bộ Tài chính, Giám đốc Cục Ngân sách và Tổng Thư ký của Văn phòng Hội đồng Kinh tế Quốc gia và Phát triển xã hội là các ủy viên đương nhiên, và không dưới năm và không nhiều hơn bảy ủy viên do nhà Vua chỉ định lựa chọn từ những người có trình độ về quản lý nguồn nhân lực, hành chính và quản lý và luật pháp là những người được tuyển dụng theo các quy định, các thủ tục và các điều kiện được quy định bởi Quy định về Ban Công vụ, và Tổng Thư ký Ban Công vụ sẽ là một ủy viên và là Thư ký.

Một ủy viên do nhà Vua chỉ định sẽ là người không nắm giữ một vị trí chính trị, thành viên của ban chấp hành hoặc là người nắm giữ một vị trí chịu trách nhiệm về quản lý hành chính của một chính đảng hoặc một quan chức của một chính đảng, và không phải là người đã thuộc thành phần là một ủy viên đương nhiên.

Điều 7: Một ủy viên do nhà Vua chỉ định sẽ giữ chức vụ của mình với một nhiệm kỳ ba năm. Nếu vị trí của một ủy viên bị khuyết trước khi hết nhiệm kỳ và còn lại không ít hơn ba ủy viên, thì những ủy viên còn lại sẽ tiếp tục phục vụ trong vị trí công tác của mình.

Khi vị trí của một ủy viên bị khuyết trước khi hết nhiệm kỳ, thì việc bổ nhiệm một ủy viên thay thế sẽ được tiến hành trong vòng ba mươi ngày, trừ khi trong trường hợp nhiệm kỳ của các ủy viên còn lại ít hơn một trăm tám mươi ngày mà trong trường hợp đó việc bổ nhiệm một ủy viên thay thế là không cần thiết. Người được bổ nhiệm làm ủy viên thay thế sẽ chỉ nhận chức cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ của ủy viên được thay thế.

Một ủy viên rời chức vụ có thể được nhà Vua tái bổ nhiệm.

Trong trường hợp các ủy viên rời chức vụ của mình khi hết nhiệm kỳ nhưng những ủy viên mới vẫn chưa được nhà Vua bổ nhiệm thì những ủy viên đó sẽ tiếp tục phục vụ với chức vụ của mình cho đến khi các ủy viên mới được nhà Vua bổ nhiệm.

Điều 8: Ban Công vụ sẽ có những thẩm quyền và nhiệm vụ dưới đây:

- (1) Đưa ra các đề xuất và tham mưu cho Hội đồng Bộ trưởng về các chính sách và các chiến lược quản lý nguồn nhân lực công liên quan tới tiêu chuẩn đối với thù lao đãi ngộ, quản lý và phát triển nguồn nhân lực, cũng như quy hoạch nhân lực và các vấn đề khác, là những nội dung sẽ được thông qua để trở thành các quy định hướng dẫn tác nghiệp cho các cơ quan Chính phủ;
- (2) Báo cáo Hội đồng Bộ trưởng liên quan đến các cứu xét đối với việc sửa đổi điều chỉnh sao cho phù hợp tiền lương, các khoản phụ cấp vị trí công tác, phụ cấp sinh hoạt, phúc lợi hoặc các khoản phúc lợi phụ cho các quan chức Chính phủ;
- (3) Ban hành các quy định, các thủ tục và các chuẩn mực cho việc quản lý và phát triển nguồn nhân lực đối với công chức, là những nội dung sẽ được thông qua để trở thành các quy định hướng dẫn tác nghiệp cho các cơ quan Chính phủ;
- (4) Phê chuẩn khuôn khổ nhân lực của các cơ quan Chính phủ;
- (5) Ban hành các quy tắc và quy định của Ban Công vụ về quản lý nguồn nhân lực phù hợp với Luật này, bao gồm cả việc tham mưu hoặc hướng dẫn cho việc thực hiện các chức năng quy định trong luật này; một văn bản quy chế của Ban Công vụ sẽ có hiệu lực sau khi được Hội đồng Bộ trưởng phê chuẩn và được công bố trên Công báo Chính phủ;
- (6) Đưa ra những giải thích và các quy định đối với các vấn đề nảy sinh từ việc áp dụng luật này, bao gồm cả việc ban hành các quy định hướng dẫn đối với các trường hợp cá biệt; một nghị quyết của Ban Công vụ về tiểu phần này sẽ có hiệu lực theo luật định sau khi có sự phê chuẩn của Hội đồng Bộ trưởng;
- (7) Theo dõi, giám sát, kiểm tra, thanh tra và đánh giá việc quản lý nguồn nhân lực đối với công chức tại các Bộ và Cục/Vụ nhằm đảm bảo sự công bằng và các chuẩn mực về quản lý nguồn nhân lực, bao gồm cả việc thanh tra và giám sát việc thực hiện các chức năng do luật này quy định; về phương diện này, Ban Công vụ sẽ có thẩm quyền yêu cầu giao nộp tài liệu và chứng cứ từ các cơ quan Chính phủ, hoặc triệu tập các đại diện của các cơ quan Chính phủ, các quan chức hoặc những người khác để cung cấp các cứ liệu, và thẩm quyền ban hành các quy định yêu cầu các Bộ và Cục/Vụ nộp báo cáo về quản lý nguồn nhân lực đối với công chức trong phạm vi thẩm quyền của mình với Ban Công vụ;

- (8) Hoạch định các chính sách và ban hành các quy định về các suất học bổng của nhà Vua và của Chính phủ nhằm đáp ứng với các chính sách quản lý nguồn nhân lực đối với các quan chức Chính phủ, cũng như phân bổ những người được nhận học bổng về công tác cho Chính phủ tại các Bộ và Cục/Vụ hoặc các cơ quan Nhà nước sau khi hoàn thành các chương trình học.
- (9) Ban hành các chỉ thị hoặc các quy tắc liên quan đến việc cung cấp giáo dục, giám sát và hỗ trợ cho nhân sự khu vực công, các học giả của nhà Vua và của Chính phủ, và các sinh viên tư nhân dưới sự quan tâm của Ban Công vụ, bao gồm cả việc thu các phí dịch vụ cho việc theo dõi giám sát và quản lý hành chính giáo dục; về phương diện này, các phí dịch vụ cho theo dõi giám sát và quản lý hành chính giáo dục được coi là các khoản thu nhập của cơ quan Chính phủ cung cấp các dịch vụ phục vụ lợi ích công chúng theo luật định đối với các thủ tục về ngân sách
- (10) Ban hành các quy tắc và thủ tục cho việc chứng nhận học bạ của những người có văn bằng, các chứng chỉ học nghề nhằm mục đích sắp đặt và bổ nhiệm với tư cách là công chức, và để quyết định các mức lương hoặc thù lao đãi ngộ cũng như các bậc của vị trí công việc và các ngạch đối với những trình độ như vậy.
- (11) Quyết định các mức phí cho việc thực hiện các chức năng liên quan tới quản lý nguồn nhân lực theo quy định của Luật này.
- (12) Xem xét việc lắp đặt hệ thống hồ sơ nhân sự và việc sửa đổi hồ sơ nhân sự liên quan tới ngày sinh, và việc kiểm soát về hưu tính theo tuổi của công chức.
- (13) Thực hiện các nhiệm vụ khác được quy định trong Luật này và các luật khác.

Trong khi ban hành một quy định của Ban Công vụ theo quy định của khoản (5), trong trường hợp xét thấy phù hợp, Văn phòng Ban Công vụ cũng sẽ tham vấn các Bộ liên quan về những cứu xét của Ban Công vụ.

Điều 9: Trong trường hợp Ban Công vụ thông qua một nghị quyết rằng một Bộ, Cục/Vụ hay một cá nhân thực hiện một chức năng theo quy định của Luật này đã không thực hiện theo quy định của Luật này, hoặc đã thực hiện không nhất quán hoặc trái với các quy định hướng dẫn của Luật này, thì Ban Công vụ sẽ thông báo cho Bộ, Cục/Vụ hay cá nhân đó để thực hiện các biện pháp khắc phục bãi bỏ hoặc chấm dứt những việc làm đó để thực hiện các biện pháp khắc phục bãi bỏ hoặc chấm dứt những việc làm đó trong khoảng thời gian quy định. Trong trường hợp Bộ, Cục/Vụ hay cá nhân đó không tuân thủ nghị quyết của Ban Công vụ trong khoảng thời gian quy định mà không có các lý do thỏa đáng, thì Tổng Thư ký, Tổng Giám đốc hoặc cá nhân đó, như trường hợp đó cho thấy, sẽ bị coi là vi phạm kỷ luật.

Các thủ tục kỷ luật như quy định của khoản (1) và các lệnh trừng phạt sẽ thuộc thẩm quyền và nhiệm vụ của Ban Công vụ chiếu theo các quy định, các thủ tục và các điều kiện được quy định bởi Quy chế Ban Công vụ.

Trong trường hợp người vi phạm nghị quyết của Ban Công vụ như theo khoản (1) là Bộ trưởng chịu trách nhiệm, thì Ban Công vụ sẽ báo cáo lên Thủ tướng để xem xét để có các mệnh lệnh phù hợp.

Điều 10: Trong trường hợp Ban Công vụ có quan điểm rằng việc quản lý nguồn nhân lực liên quan tới một vấn đề mà tất cả hoặc một số ngạch công chức nhất định phải tuân thủ các chuẩn mực hoặc các quy tắc của Trung ương, thì Ban Công vụ sẽ triệu tập một cuộc

họp để lấy ý kiến chung với một đại diện của Ban Công vụ, đại diện của Ban Phát triển khu vực công và các đại diện của các cơ quan quản lý nhân sự Trung ương đối với các ngành công chức khác nhau có liên quan nhằm đưa ra các tiêu chuẩn và các quy tắc của Trung ương về quản lý nguồn nhân lực về các vấn đề như vậy và đưa ra một kiến nghị đối với Hội đồng Bộ trưởng. Sau khi có sự phê chuẩn của Hội đồng Bộ trưởng thì những tiêu chuẩn hoặc các quy tắc Trung ương sẽ áp dụng cho toàn bộ hoặc những ngành công chức như vậy, tùy theo trường hợp cụ thể.

Các quy định trong khoản một cũng sẽ được áp dụng với những sửa đổi thích đáng về chi tiết đối với các vấn đề có liên quan tới các thủ tục quản lý nguồn nhân lực công về bất kỳ một vấn đề cụ thể nào.

Điều 11: Các quy định về các uỷ ban được uỷ quyền thực hiện các quy trình thủ tục hành chính theo quy định của luật về các thủ tục hành chính sẽ được áp dụng với những sửa đổi thích đáng về chi tiết đối với các cuộc họp của Ban Công vụ, trừ trường hợp như đã nêu trong điều 36 khoản 2.

Điều 12: Ban Công vụ có thẩm quyền chỉ định một tiểu ban đặc biệt để thay mặt mình thực hiện.

Số người, trình độ, các quy định và thủ tục đối với việc chỉ định một tiểu ban đặc biệt của Ban Công vụ, bao gồm cả các thủ tục tuyển dụng, điều khoản quy định về vị trí công việc và dời khỏi vị trí công việc sẽ do Quy chế Ban Công vụ quy định.

Điều 13: Sẽ thành lập Văn phòng Ban Công vụ với Tổng Thư ký Ban Công vụ là quan chức cao cấp chịu trách nhiệm quản lý các công chức và quản lý hành chính đối với Văn phòng Ban Công vụ, và chịu trách nhiệm trực tiếp trước Thủ tướng.

Văn phòng Ban Công vụ có các thẩm quyền làm nhiệm vụ dưới đây:

- (1) Hoạt động thay mặt Ban Công vụ và Uỷ ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài trong khi thực hiện các chức năng công vụ của mình và để thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Công vụ hoặc Uỷ ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài giao.
- (2) Đưa ra các đề nghị và tham mưu cho các Bộ và Cục/Vụ liên quan tới các quy tắc, các thủ tục và các quy định hướng dẫn đối với quản lý nguồn nhân lực công.
- (3) Xây dựng, thúc đẩy phân tích và tiến hành các nghiên cứu liên quan tới các chính sách, các chiến lược, các hệ thống, các quy tắc, các thủ tục và các chuẩn mực về quản lý nguồn nhân lực đối với công chức.
- (4) Theo dõi giám sát và đánh giá quản lý nguồn nhân lực đối với công chức.
- (5) Thực hiện các công việc liên quan tới quy hoạch nhân lực đối với công chức.
- (6) Là trung tâm cơ sở dữ liệu về nguồn nhân lực công
- (7) Hoạch định các chiến lược, điều phối và thực hiện các công việc liên quan tới phát triển nguồn nhân lực đối với công chức.
- (8) Thúc đẩy, điều phối, phổ biến, tham vấn và tham mưu, và thực hiện các công việc liên quan tới việc đảm bảo phúc lợi và nâng cao chất lượng cuộc sống đối với nguồn nhân lực công.
- (9) Thực hiện các nhiệm vụ liên quan tới các xuất học bổng của nhà Vua và các xuất học bổng của Chính phủ phù hợp với các chính sách và các quy định của Ban Công vụ chiếu theo chương 8 (8).
- (10) Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc quan tâm chăm lo những người trong khu vực công và những người được hưởng học bổng phù hợp với các chỉ thị hoặc các quy tắc của Ban Công vụ như quy định trong chương 8(9).

- (11) Thực hiện các nhiệm vụ liên quan tới việc xác nhận các bằng cấp, các chứng chỉ đào tạo nghề hoặc các văn bằng khác của các cá nhân phục vụ mục đích sắp xếp và bổ nhiệm công chức và để quyết định các mức lương và thù lao đãi ngộ cũng như các bậc trong vị trí việc làm và các ngạch công việc đối với những bằng cấp như vậy.
- (12) Thực hiện các nhiệm vụ tới duy trì hồ sơ nhân sự và giám sát việc về hưu theo tuổi của công chức.
- (13) Soạn thảo báo cáo thường niên về quản lý nguồn nhân lực trong nền công vụ để trình Ban Công vụ và Hội đồng Bộ trưởng.
- (14) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này, các luật khác, hoặc theo sự phân công của Hội đồng Bộ trưởng, Thủ tướng hoặc Ban Công vụ.

Điều 14: Sẽ thành lập một tiểu Ban Công vụ để hoạt động với tư cách là một cơ quan quản lý nguồn nhân lực trong các cơ quan khác nhau của Chính phủ như sau:

- (1) Tiểu Ban Công vụ của Bộ được xác định bằng tên của Bộ đó.
- (2) Tiểu Ban Công vụ của Cục/Vụ được xác định bằng tên của Cục/Vụ đó.
- (3) Tiểu Ban Công vụ của tỉnh được xác định bằng tên của tỉnh đó.
- (4) Tiểu Ban Công vụ cho các cơ quan Chính phủ khác ngoài (1), (2) và (3).
Tên, thành phần, thẩm quyền và nhiệm vụ của tiểu Ban Công vụ trong mục (4) sẽ do Quy chế Ban Công vụ quy định.

Điều 15: Tiểu Ban Công vụ của Bộ sẽ bao gồm Bộ trưởng chịu trách nhiệm làm Trưởng ban, Thư ký thường trực làm Phó Trưởng ban và một đại diện của một Ban Công vụ được chỉ định từ trong số các công chức của Văn phòng Ban Công vụ làm uỷ viên tiểu ban đương nhiên, và những uỷ viên tiểu ban dưới đây sẽ do Trưởng Ban Công vụ bổ nhiệm:

- (1) Không quá 3 người đủ trình độ trong lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực, hành chính và quản lý, và pháp luật, là những người có thành tích xuất sắc trong công việc trong các lĩnh vực có liên quan và là những người không phải là quan chức trong Bộ đó.
- (2) Không quá 5 công chức giữ các vị trí lãnh đạo ở cấp cao hơn trong Bộ đó là những người được bầu từ trong số các công chức giữ các chức vụ như vậy.
Tiểu Ban Công vụ này sẽ chỉ định một người làm thư ký.

Điều 16: Tiểu Ban Công vụ của Bộ có các thẩm quyền và nhiệm vụ dưới đây:

- (1) Nghiên cứu xem xét việc hoạch định các chính sách, các hệ thống, các quy tắc và các thủ tục đối với quản lý nguồn nhân lực trong Bộ, sao cho nhất quán với các quy tắc, các thủ tục và các chuẩn mực do Ban Công vụ quy định chiểu theo chương 8(3).
- (2) Nghiên cứu xem xét việc tái phân bổ nhân lực giữa các cơ quan Chính phủ bên trong Bộ.
- (3) Nghiên cứu xem xét các vấn đề liên quan tới các quy trình thủ tục kỷ luật và các quyết định buộc thôi việc như quy định trong Luật này.
- (4) Thực hiện các nhiệm vụ khác như quy định của Luật này và hỗ trợ Ban Công vụ trong khi thực hiện các chức năng theo quy định của Luật này do Ban Công vụ phân công.

Điều 17: Tiểu Ban Công vụ Cục/Vụ bao gồm Tổng Giám đốc làm Trưởng ban, một Phó Tổng Giám đốc do Tổng Giám đốc chỉ định làm Phó trưởng ban, và các uỷ viên tiểu ban dưới đây do Trưởng tiểu Ban Công vụ bổ nhiệm:

- (1) Không quá 3 người đủ trình độ trong lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực, hành chính và quản lý, và pháp luật, là những người có thành tích xuất sắc trong công việc trong các lĩnh vực có liên quan và là người không phải là quan chức trong Cục/Vụ đó.
 - (2) Không quá 6 công chức giữ các vị trí lãnh đạo hoặc quản lý trong Cục/Vụ đó là những người được bầu từ trong số các công chức giữ các chức vụ như vậy.
- Tiểu Ban Công vụ này sẽ bổ nhiệm một người làm thư ký.

Điều 18: Tiểu Ban Công vụ của Cục/Vụ có các thẩm quyền và nhiệm vụ dưới đây:

- (1) Nghiên cứu xem xét việc hoạch định các chính sách, các hệ thống, các quy tắc và các thủ tục đối với quản lý nguồn nhân lực trong Bộ, sao cho nhất quán với các quy tắc, các thủ tục và các chuẩn mực do Ban Công vụ quy định chiểu theo chương 8(3) và các chính sách và hệ thống quản lý nguồn nhân lực do tiểu Ban Công vụ của Bộ quy định chiểu theo chương 16(1).
- (2) Nghiên cứu xem xét việc tái phân bổ nhân lực giữa các cơ quan Chính phủ bên trong Cục/Vụ.
- (3) Nghiên cứu xem xét các vấn đề liên quan tới các quy trình thủ tục kỷ luật và các quyết định buộc thôi việc như quy định trong Luật này.
- (4) Thực hiện các nhiệm vụ khác như quy định của Luật này và hỗ trợ Ban Công vụ trong khi thực hiện các chức năng theo quy định của Luật này do Ban Công vụ phân công.

Điều 19: Tiểu Ban Công vụ của Tỉnh bao gồm Thống đốc tỉnh làm Trưởng ban, một Phó Thống đốc tỉnh do Thống đốc tỉnh chỉ định làm Phó ban, và những uỷ viên tiểu ban dưới đây do Trưởng tiểu Ban Công vụ tỉnh bổ nhiệm:

- (1) Không quá 3 người đủ trình độ trong lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực, hành chính và quản lý, và pháp luật, là những người có thành tích xuất sắc trong công việc trong các lĩnh vực có liên quan và là người không phải là quan chức trong tỉnh đó.
- (2) Không quá 6 công chức giữ các vị trí lãnh đạo hoặc quản lý, là những người được các Bộ hoặc Cục/Vụ bổ nhiệm vào các vị trí trong tỉnh đó, và được bầu từ trong số các công chức giữ các chức vụ như vậy, qua đó từng cá nhân sẽ không được gắn liền với cùng một Bộ.

Tiểu Ban Công vụ này sẽ bổ nhiệm một người làm thư ký.

Điều 20: Tiểu Ban Công vụ tỉnh có các thẩm quyền và nhiệm vụ dưới đây:

- (1) Nghiên cứu xem xét việc xây dựng các quy định hướng dẫn và các thủ tục đối với quản lý nguồn nhân lực, sao cho nhất quán với các quy tắc, các thủ tục và các chuẩn mực do Ban Công vụ quy định chiểu theo chương 8(3).
- (2) Nghiên cứu xem xét các vấn đề liên quan tới các quy trình thủ tục kỷ luật và các quyết định buộc thôi việc như quy định trong Luật này.
- (3) Thực hiện các nhiệm vụ do tiểu Ban Công vụ Bộ hoặc tiểu Ban Công vụ Cục/Vụ phân công.
- (4) Thực hiện các nhiệm vụ khác như quy định của Luật này và hỗ trợ Ban Công vụ trong khi thực hiện các chức năng theo quy định của Luật này do Ban Công vụ phân công.

Điều 21: Các quy định và thủ tục cho việc tuyển dụng và lựa chọn các cá nhân để bổ nhiệm làm ủy viên tiểu ban chiểu theo chương 15(1) và (2), chương 17(1) và (2), và chương 19(1) và (2), nhiệm kỳ giữ chức vụ và con số tối thiểu các ủy viên tiểu ban đó sẽ do Quy chế Ban Công vụ quy định.

Điều 22: Trong trường hợp có các lý do đặc biệt đối với một Bộ, Ban Công vụ có thể phê chuẩn việc thành lập chỉ một tiểu Ban Công vụ của Bộ để thực hiện các nhiệm vụ của một tiểu Ban Công vụ của Cục/Vụ.

Trong trường hợp một cơ quan Chính phủ có địa vị của một Cục/Vụ không trực thuộc một Bộ, nhưng do sự phân công của Thủ tướng hay Bộ trưởng hay một cơ quan Chính phủ có địa vị của một Cục/Vụ và người đứng đầu cơ quan Chính phủ đó trực tiếp chịu trách nhiệm trước Thủ tướng hoặc Bộ trưởng trong khi thực hiện các chức năng thì tất cả thẩm quyền và nhiệm vụ của tiểu Ban Công vụ của Bộ cũng sẽ là thẩm quyền và nhiệm vụ của tiểu Ban Công vụ của Cục/Vụ. Tuy nhiên trong khi thực hiện những nhiệm vụ đó, Bộ trưởng chịu trách nhiệm sẽ là Trưởng ban và Tổng Giám đốc sẽ là các Phó trưởng ban, và một đại diện của Ban Công vụ sẽ được bổ nhiệm từ trong số các công chức của Văn phòng Ban Công vụ sẽ là ủy viên tiểu ban đương nhiên.

Trong trường hợp Văn phòng Bộ trưởng tiểu Ban Công vụ của Cục/Vụ của Văn phòng Thư ký thường trực sẽ thực hiện các nhiệm vụ của tiểu Ban Công vụ của Cục/Vụ của Văn phòng Bộ trưởng.

Điều 23: Điều 11 sẽ áp dụng với những sửa đổi thích đáng về chi tiết đối với các cuộc họp của tiểu Ban Công vụ đặc biệt và tiểu Ban Công vụ .

PHẦN II ỦY BAN BẢO VỆ HỆ THỐNG THỰC TÀI

Điều 24: Sẽ thành lập một Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài, bao gồm 7 ủy viên do nhà Vua bổ nhiệm chiểu theo Chương 26.

Các ủy viên của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài phải làm việc theo chế độ chuyên trách. Tổng thư ký Ban Công vụ sẽ là Thư ký của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài.

Điều 25: Người được bổ nhiệm là ủy viên Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài phải có các phẩm chất dưới đây:

- (1) Có quốc tịch Thái Lan
- (2) Có tuổi không dưới 45
- (3) Có một trong số những phẩm chất dưới đây:
 - a. Đang là hoặc đã từng là một Ủy viên có đầy đủ phẩm chất của Ban Công vụ, Ủy ban Giáo viên, Ủy ban Giáo viên và Nhân sự ngành Giáo dục, Ủy ban Cán bộ các trường đại học, Ủy ban Cán bộ các trường cao đẳng, hoặc Ủy ban ngành Cảnh sát.
 - b. Đang là hoặc đã từng là một Ủy viên Hội đồng Nhà nước.
 - c. Đang hoặc đã từng phục vụ trong Chính phủ trong một vị trí công việc không thấp hơn thẩm phán Tòa Phúc thẩm hoặc tương đương, hoặc là chánh án Tòa hành chính Sơ thẩm.
 - d. Đang hoặc đã từng phục vụ trong Chính phủ trong một vị trí công việc không thấp hơn luật sư Nhà nước của Quận đặc biệt hoặc tương đương.

- e. Đang hoặc đã từng phục vụ trong Chính phủ trong một vị trí lãnh đạo quản lý cấp cao hơn hoặc tương đương do Ban Công vụ quyết định.
- f. Đang hoặc đã từng là giảng viên trong lĩnh vực luật, khoa học chính trị, hành chính công, kinh tế học, các khoa học xã hội hoặc một bộ môn liên quan tới hành chính Quốc gia trong một cơ sở giáo dục cao hơn, và giữ một chức vụ hoặc đã từng giữ một chức vụ không thấp hơn Phó Giáo sư, miễn là trong trường hợp giữ một chức vụ của Phó Giáo sư, thì người đó sẽ giữ chức vụ hoặc đã từng giữ chức vụ đó không dưới 5 năm.

Điều 26: Sẽ thành lập một Ủy ban Tuyển chọn thuộc Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài bao gồm Chánh án Tòa án Hành chính Tối cao làm Trưởng ban, Phó Chánh án Tòa án Tối cao do Chánh án Tòa án Tối cao chỉ định, một ủy viên có đủ trình độ của Ban Công vụ do Ban Công vụ bầu, và Tổng Thư ký Ban Công vụ sẽ là thành viên và Thư ký.

Ủy ban Tuyển chọn có nhiệm vụ tuyển chọn 7 người có đủ trình độ chiếu theo điều 25. Những người được tuyển chọn chiếu theo khoản (2) sẽ họp và bầu một người trong chính số họ để trở thành Trưởng ban của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài và sẽ được Thủ tướng trình nhà Vua để bổ nhiệm.

Các quy trình và thủ tục để tuyển chọn các Ủy viên của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài sẽ do Ủy ban Tuyển chọn quy định.

Điều 27: Một Ủy viên của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài sẽ không thuộc những điều bị cấm dưới đây:

- (1) Là một quan chức.
- (2) Là một nhân viên hay người làm công ăn lương của một cơ quan Nhà nước hay bất kỳ một người nào.
- (3) Là người nắm giữ một vị trí chính trị, thành viên hoặc người nắm giữ một vị trí lãnh đạo trong một chính đảng, là đảng viên của chính đảng hoặc cán bộ của một chính đảng.
- (4) Là một Ủy viên hội đồng của một doanh nghiệp Nhà nước.
- (5) Là một Ủy viên trong một cơ quan Trung ương phụ trách về quản lý nhân sự của các cơ quan Nhà nước.
- (6) Tham gia vào một nghề nghiệp hoặc ngành nghề khác hoặc giữ một vị trí hoặc thực hiện bất cứ một hoạt động nào hoặc một thành viên của Ủy ban trong một cơ quan Nhà nước hoặc tư nhân mà có mâu thuẫn với việc thực thi nhiệm vụ như đã được quy định tại Sắc lệnh Hoàng gia.

Điều 28: Người được lựa chọn để trở thành một Ủy viên của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài mà lại thuộc vào một trong các điều cấm như nêu tại điều 27 sẽ phải từ bỏ tình trạng bị cấm hoặc xuất trình chứng cứ đáng tin cậy rằng ông ta/bà ta đã thôi không còn tham gia với nghề nghiệp hoặc ngành nghề hoặc hoạt động mà đã bị cấm cho Thư ký của Ủy ban Bảo vệ hệ thống Thực tài trong vòng 15 ngày kể từ ngày được tuyển chọn.

Trong trường hợp một người được lựa chọn để trở thành một Ủy viên của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài không chấm dứt hoặc không thôi tham gia trong ngành nghề hoặc nghề nghiệp hoặc hoạt động trong khoảng thời gian đã nêu như trong khoản trên, thì sẽ được coi là người đó chưa từng bao giờ được lựa chọn để trở thành một Ủy viên của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài và sẽ tiếp tục thực hiện quy trình thủ tục để lựa chọn một Ủy viên mới cả Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài.

Điều 29: Các Ủy viên của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài giữ vị trí công tác trong một nhiệm kỳ 6 năm kể từ ngày được nhà Vua bổ nhiệm và sẽ chỉ được làm việc trong một nhiệm kỳ.

Các Ủy viên của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài là những người đã rời khỏi vị trí của mình do đã hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục ở lại vị trí đó để thực hiện nhiệm vụ cho tới khi các Ủy viên mới của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài được nhà Vua ủy nhiệm.

Điều 30: Ngoài việc rời khỏi vị trí do đã hết nhiệm kỳ, một Ủy viên của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài sẽ rời khỏi vị trí của mình trong các trường hợp sau:

- (1) Từ trần
- (2) Từ chức
- (3) Đến tuổi 70
- (4) Không đủ trình độ hoặc thuộc vào một điều bị cấm chiếu theo điều 25 hoặc điều 27
- (5) Là đối tượng đang chịu án tù cuối cùng, bất kỳ án tù đó có bị đình chỉ hay không, trừ trường hợp đình chỉ một án, vì do bất cẩn mà vi phạm một tội, một tội phạm nhỏ hoặc một tội phi báng.
- (6) Không đủ năng lực để thực thi các nhiệm vụ chuyên trách trên cơ sở như được quy định bởi các Quy định của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài.

Trong trường hợp nảy sinh sự việc như quy định của khoản 1, các Ủy viên còn lại của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài sẽ tiếp tục thực thi nhiệm vụ và Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài sẽ được coi là chỉ bao gồm các Ủy viên còn lại của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài, trừ trường hợp còn lại dưới 5 Ủy viên của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài.

Trong trường hợp nảy sinh sự việc như quy định của khoản 1 hoặc trong trường hợp các Ủy viên của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài rời khỏi nhiệm vụ khi hết thời hạn, thì Ủy ban Tuyển chọn của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài sẽ tiến hành lựa chọn các Ủy viên của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài để thay thế nhanh chóng các Ủy viên của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài đã nghỉ.

Điều 31: Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài có các thẩm quyền và nhiệm vụ dưới đây:

- (1) Trình các đề nghị cho Ủy ban Công vụ hoặc các cơ quan quản lý nhân sự Trung ương khác để Ban Công vụ hoặc cơ quan quản lý nhân sự Trung ương khác tiến hành đưa ra hoặc sửa đổi các chính sách quản lý nguồn nhân lực liên quan tới việc bảo vệ hệ thống bảo vệ thực tài.
- (2) Xem xét giải quyết các trường hợp phúc thẩm chiếu theo chương 114.
- (3) Xem xét giải quyết khiếu nại chiếu theo chương 123.
- (4) Xem xét các vấn đề liên quan tới bảo vệ hệ thống thực tài.
- (5) Ban hành các quy định, quy tắc, quy định và thủ tục của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài về việc thực hiện các chức năng quy định tại Luật này; một quy định của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài sẽ có hiệu lực sau khi được công bố trên Công báo Chính phủ.
- (6) Bổ nhiệm những người có đủ trình độ và không thuộc diện bị cấm theo quy định của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài để trở thành các thành viên của một Ủy ban Phúc thẩm hoặc các thành viên của Ủy ban Khiếu nại.

Điều 32: Các Ủy viên của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài, các Ủy viên Phúc thẩm và các Ủy viên Khiếu nại được hưởng phụ cấp chức vụ và các lợi ích khác theo quy định của Sắc lệnh Hoàng gia và có quyền tiếp nhận phụ cấp đi lại tương tự theo quy định của Sắc

lệnh Hoàng gia về các khoản phụ cấp cho đi công tác dành cho những người nắm những vị trí lãnh đạo quản lý cao cấp hơn.

Điều 33: Các cuộc họp của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài, Ủy ban Phúc thẩm và Ủy ban Khiếu nại sẽ được quy định tại Quy chế Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài.

PHẦN III CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 34: Việc tổ chức các công chức sẽ được tiến hành nhằm đạt được kết quả đầu ra định hướng kết quả, hiệu suất và giá trị tốt trong khi thực hiện các chức năng Nhà nước, và để giúp cho các công chức thực hiện nhiệm vụ của mình có chất lượng và có đạo đức và có chất lượng cuộc sống tốt.

Điều 35: Có 2 loại công chức như sau:

- (1) Công chức theo đúng nghĩa là các công chức đang làm việc cho Chính phủ do sắp xếp và bổ nhiệm theo các Quy định của Phần IV Công chức.
- (2) Các công chức phục vụ Hoàng gia là những công chức làm việc cho Chính phủ do sắp xếp và bổ nhiệm vào các vị trí của Hoàng gia như quy định của Sắc lệnh Hoàng gia.

Điều 36: Người muốn vào công vụ phải có đủ các phẩm chất chung và không thuộc vào diện bị cấm như dưới đây:

A. Phẩm chất chung:

- (1) Có quốc tịch Thái Lan
- (2) Có độ tuổi ít nhất là 18
- (3) Là người tin tưởng trung thành với hình thức Chính phủ dân chủ với nhà Vua là nguyên thủ Quốc gia.

B. Những điều cấm:

- (1) Là người đang nắm giữ một vị trí chính trị.
- (2) Là một người không có năng lực, là người yếu kém năng lực, là người mắc bệnh thần kinh hoặc thiếu năng tâm thần, hoặc mắc một chứng bệnh như quy định tại Quy chế Ban Công vụ.
- (3) Là người bị đình chỉ công tác cho Chính phủ hoặc bị tạm thời miễn nhiệm công tác cho Chính phủ theo quy định của Luật này hoặc các luật khác.
- (4) Khiếm khuyết về mặt đạo đức tới mức độ không chấp nhận được về mặt xã hội.
- (5) Là một thành viên của Ủy ban hoặc người nắm giữ một vị trí quản lý trong một chính đảng hoặc một cán bộ của một chính đảng.
- (6) Đang bị phán xử phá sản.
- (7) Đã bị tù do một án tù vì tội hình sự, với trường hợp ngoại lệ đối với các án cho các tội khác do bất cẩn hoặc các tội nhẹ.
- (8) Đã bị phạt dưới các hình thức miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc đuổi khỏi một doanh nghiệp Nhà nước hoặc các cơ quan Nhà nước khác.
- (9) Đã bị phạt với hình thức miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm do vi phạm kỷ luật theo quy định của Luật này hoặc các luật khác.
- (10) Đã bị phạt với hình thức bị đuổi do vi phạm kỷ luật theo quy định của Luật này hoặc các luật khác.

(11) Đã vi phạm quy định kỳ thi tuyển vào công chức Chính phủ hoặc vào công tác trong các cơ quan Nhà nước khác.

Ban Công vụ có thể xem xét chiếu cố và cho phép vào làm trong các cơ quan Chính phủ đối với những người gia nhập công vụ mà lại thuộc diện cấm tại B.(4), (6), (7), (8), (9), (10) hoặc (11), miễn là trong trường hợp cấm như tại mục (8) hoặc mục (9) thì người đó phải đã rời khỏi công việc hoặc đã nghỉ công việc trong cơ quan của Chính phủ hơn 2 năm, và trong trường hợp cấm như tại mục (10), thì người đó phải rời khỏi công việc hoặc thôi không làm việc cho cơ quan Chính phủ hơn 3 năm, và trong cả 2 trường hợp này thì việc nghỉ công việc hoặc thôi không làm việc cho cơ quan Chính phủ đều không phải là do vi phạm hành động phi pháp tại cơ quan. Một nghị quyết của Ban Công vụ về trường hợp chiếu cố đó sẽ phải nhận được số phiếu không dưới 4/5 số các Ủy viên có mặt tại cuộc họp. Việc bỏ phiếu sẽ tiến hành dưới hình thức phiếu kín. Việc áp dụng quy định chiếu cố chiếu theo khoản (2) sẽ do Quy chế Ban Công vụ quy định.

Trong trường hợp khoản (2) Ban Công vụ có thể quyết định một trường hợp chiếu cố riêng hoặc có thể ban hành thông báo cho phép chiếu cố chung.

Điều 37: Việc trả lương và các phụ cấp chức vụ cho công chức sẽ được thực hiện như theo quy định của Quy chế Ban Công vụ được sự phê chuẩn của Bộ Tài chính.

Điều 38: Công chức có thể được hưởng các khoản phụ cấp bổ sung cho các chức vụ ở nước ngoài, các chức vụ ở những khu vực nhất định, các chức vụ trong một số nhóm phân loại nhất định hoặc các chức vụ đi kèm với các điều kiện đặc biệt như quy định của Quy tắc Ban Công vụ được sự phê chuẩn của Bộ Tài chính.

Công chức có thể được hưởng các khoản phụ cấp sinh hoạt tạm thời tùy theo các điều kiện kinh tế phù hợp với các quy định và các thủ tục do Hội đồng Bộ trưởng quy định.

Khi trình một đề nghị lên Hội đồng Bộ trưởng để thực hiện chiếu theo khoản (2), Ban Công vụ cũng sẽ đồng thời trình các đề nghị cho các ngành công chức khác.

Điều 39: Giờ làm việc, những ngày lễ truyền thống, những ngày lễ trong năm và việc nghỉ phép của công chức sẽ được Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

Điều 40: Đồng phục của công chức và các quy tắc về việc mặc đồng phục sẽ được quy định bởi các luật và các quy định liên quan.

Điều 41: Tiền trợ cấp hưu trí và tiền lương hưu cho công chức sẽ được quy định bởi các luật có liên quan.

PHẦN IV CÔNG CHỨC

Chương 1 Việc tổ chức công chức

Điều 42: Việc tổ chức công chức theo quy định của Luật này phải căn cứ vào hệ thống thực tài dưới đây:

- (1) Việc tiếp nhận một người để sắp xếp làm việc cho Chính phủ và bổ nhiệm vào một vị trí sẽ phải căn cứ vào kiến thức và năng lực của người đó, đảm bảo bình đẳng, công bằng và phục vụ lợi ích cho công việc của Chính phủ.

- (2) Việc quản lý nguồn nhân lực phải căn cứ vào kết quả đầu cuối và hiệu suất của tổ chức và bản chất của công việc không được phân biệt đối xử bất công bằng.
- (3) Việc xem xét thực năng lực, đề bạt và việc cho hưởng các lợi ích khác đối với công chức phải được thực hiện một cách công bằng thông qua việc xem xét sản phẩm công việc, năng lực và hành vi, và các quan điểm chính trị hoặc việc gia nhập các chính đảng sẽ không được tính đến.
- (4) Việc tiến hành kỷ luật phải được thực hiện một cách đúng mức và không có định kiến.

Điều 43: Công chức có quyền tự do hội họp với tư cách là một nhóm như được quy định trong Hiến pháp, miễn là việc hội họp đó không ảnh hưởng đến hiệu suất của hành chính Nhà nước và tính liên tục của các dịch vụ công và không được phục vụ các mục đích chính trị.

Các quy tắc, thủ tục và điều kiện đối với hội họp theo quy định của khoản (1) được quy định bởi Sắc lệnh Hoàng gia.

Chương 2

Phân loại vị trí công việc, trả lương và các khoản phụ cấp chức vụ

Điều 44: Ngoài những vị trí công việc đã được quy định theo luật về hành chính Quốc gia, tiểu Ban Công vụ của Bộ có thể quy định các vị trí công việc với các chức danh khác để phục vụ quản lý hành chính công việc, mà việc quy định như thế sẽ được thông báo cho Ban Công vụ.

Điều 45: Có 4 loại vị trí công việc của công chức như sau:

- (1) Vị trí công việc của lãnh đạo, tức là Thủ trưởng của các cơ quan Chính phủ và Phó thủ trưởng các cơ quan Chính phủ tại cấp Bộ và cấp của Bộ và các vị trí công việc khác do Ban Công vụ quy định là các vị trí lãnh đạo.
- (2) Các vị trí công việc quản lý, tức là Thủ trưởng các cơ quan Chính phủ tại các cấp thấp hơn Cục/Vụ và các vị trí công việc khác do Ban Công vụ quy định là các vị trí quản lý.
- (3) Các vị trí công việc trí thức, là những vị trí công việc đòi hỏi những người có bằng đại học theo quy định của Ban Công vụ để thực hiện các nhiệm vụ tại những vị trí công việc đó.
- (4) Những vị trí công việc tổng hợp, tức là những vị trí không phải là vị trí lãnh đạo, vị trí quản lý, và vị trí trí thức như theo quy định của Ban Công vụ.

Điều 46: Bậc của công chức là như sau:

- (1) Các vị trí lãnh đạo có những bậc dưới đây:
 - a. Bậc ban đầu.
 - b. Bậc cao hơn.
- (2) Các vị trí quản lý có các bậc dưới đây:
 - a. Bậc ban đầu.
 - b. Bậc cao hơn.
- (3) Vị trí của những công việc chính thức có những bậc dưới đây:
 - a. Bậc thực hành.
 - b. Bậc chuyên môn.

- c. Bậc chuyên môn bậc cao.
- d. Bậc chuyên viên.
- e. Bậc cố vấn.

(4) Những vị trí công việc tổng hợp có những bậc dưới đây:

- a. Bậc tác nghiệp.
- b. Bậc có kinh nghiệm.
- c. Bậc cao cấp.
- d. Bậc kỹ năng lành nghề.

Việc quyết định các loại vị trí công việc và các bậc vị trí công việc sẽ được tiến hành theo các quy định của Quy chế Ban Công vụ.

Điều 47: Việc quyết định các vị trí công việc của công chức trong các cơ quan Chính phủ cụ thể, con số và các loại vị trí công việc của công chức, cũng như nhóm các vị trí công việc và các bậc của nhóm đó sẽ được tiêu Ban Công vụ của Bộ quy định, và việc quy định đó phải tính đến tính hiệu quả, hiệu lực, tránh trùng lặp và đảm bảo kinh tế coi đó là những cân nhắc tiên quyết, phù hợp với các quy định và thủ tục do Ban Công vụ quy định và phải phù hợp với các đặc điểm phân loại được quy định trong điều 48.

Điều 48: Ban Công vụ sẽ tiến hành quy định các đặc điểm phân loại thông qua việc phân loại các vị trí công việc thành các loại và nhóm công việc tùy theo bản chất công việc, và sắp đặt các vị trí công việc trong cùng một loại và một nhóm yêu cầu hầu như cùng chất lượng công việc vào cùng một bậc về phương diện này, cần tính đến các đặc điểm của các nghiệp vụ, các trách nhiệm và chất lượng của công việc.

Trong các phân loại theo nhóm, chức danh và các vị trí công việc trong nhóm, các nhiệm vụ, trách nhiệm, và các yêu cầu về trình độ cốt yếu cũng sẽ được cụ thể hoá.

Điều 49: Chịu sự điều chỉnh của luật hành chính Quốc gia, một vị trí công việc quản lý công chức trong bất kỳ một cơ quan Chính phủ hay một cơ quan nào khác, trong bất kỳ trường hợp nào, sẽ do quan chức giám sát quy định là người được uỷ quyền để đưa ra một quyết định để sắp xếp theo quy định của điều 57 bằng một bức thư phù hợp với các quy định của Ban Công vụ.

Điều 50: Công chức sẽ hưởng lương phù hợp với từng loại vị trí công việc như được nêu trong bảng thang lương đối với công chức đi kèm theo Luật này.

Khoản lương sẽ trả cho người nắm giữ bất kỳ một loại vị trí công việc, nhóm công việc và bậc theo bảng thang lương của công chức sẽ do Quy chế Ban Công vụ quyết định.

Công chức có thể được hưởng phụ cấp chức vụ phù hợp với bảng phụ cấp chức vụ dành cho công chức đi kèm theo Luật này phù hợp với các quy tắc và các điều kiện do Ban Công vụ quy định.

Mức phụ cấp chức vụ được trả cho người nắm giữ bất kỳ một loại vị trí công việc, nhóm công việc và bậc theo bảng phụ cấp chức vụ của công chức đi kèm theo Luật này sẽ được quy định bởi Quy chế Ban Công vụ.

Phụ cấp chức vụ nêu trong chương này sẽ không được coi là lương phục vụ mục đích tính các khoản phụ cấp hưu trí và tiền lương theo quy định của luật phụ cấp hưu trí và tiền lương.

Điều 51: Hội đồng Bộ trưởng có thể xem xét điều chỉnh mức lương hoặc phụ cấp chức vụ cho công chức để phù hợp hơn nữa theo yêu cầu. Những điều chỉnh mức lương hoặc phụ

cấp chức vụ với mức không quá 10% của các mức lương và phụ cấp chức vụ được áp dụng sẽ có hiệu lực sau khi một Sắc lệnh Hoàng gia được ban hành, và mức lương và phụ cấp chức vụ đi kèm với Sắc lệnh Hoàng gia đó sẽ được coi là mức lương và phụ cấp chức vụ đi kèm theo Luật này.

Khi điều chỉnh lương và phụ cấp chức vụ theo quy định của khoản một, thì việc điều chỉnh lương và phụ cấp chức vụ của công chức hiện tại đối với các mức lương và phụ cấp trong bảng lương mới được điều chỉnh sẽ phù hợp với các quy định và thủ tục do Hội đồng Bộ trưởng quy định.

Chương 3 **Tuyển dụng, sắp xếp và bổ nhiệm**

Điều 52: Việc tuyển dụng người để sắp xếp vào làm việc cho Chính phủ với tư cách là công chức và bổ nhiệm vào một chức vụ sẽ được tiến hành phù hợp với hệ thống thực tài và có xét đến hành vi đạo đức của người đó cũng như các lợi ích của việc phục vụ Chính phủ như được quy định trong Chương này.

Điều 53: Việc sắp xếp một người làm việc cho Chính phủ với tư cách là công chức để bổ nhiệm vào một chức vụ cụ thể sẽ được tiến hành trong số các ứng viên đã thi đỗ kỳ thi tuyển cạnh tranh vào chức vụ đó và tùy theo thứ tự trong danh sách các ứng viên thi đỗ. Các kỳ thi tuyển cạnh tranh, danh sách các ứng viên thi đỗ và chi tiết về các cuộc thi sẽ phải phù hợp với các quy tắc, thủ tục và điều kiện do Ban Công vụ quy định. Các quy định trong khoản một sẽ không áp dụng đối với việc sắp xếp những người vào làm việc cho Chính phủ theo quy định của điều 55, điều 56, điều 63, điều 64 và điều 65.

Điều 54: Người đăng ký dự thi tuyển cạnh tranh cho một chức vụ cụ thể phải có đủ trình độ nói chung và không thuộc vào diện bị cấm, hoặc đã được hưởng chiếu cố trong trường hợp bị cấm theo quy định của điều 36, và cũng phải đáp ứng các yêu cầu về trình độ hoặc được Ban Công vụ phê chuẩn theo quy định của điều 62.

Một người thuộc diện bị cấm theo quy định của điều 36 B(1) sẽ đủ điều kiện đăng ký thi tuyển nhưng được quyền sắp xếp để trở thành một công chức do đã thi đỗ kỳ thi tuyển chỉ khi nào chấm dứt năm giữ một vị trí chính trị.

Điều 55: Trong các trường hợp đặc biệt, một quan chức giám sát quản lý được uỷ quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 có thể lựa chọn những người để sắp xếp vào làm việc cho Chính phủ và bổ nhiệm vào các chức vụ mà không phải dự thi tuyển cạnh tranh theo quy định của điều 53, phù hợp với các quy tắc, thủ tục và điều kiện do Ban Công vụ quy định.

Điều 56: Một Bộ hoặc Cục/Vụ nếu có lý do và nhu cầu thật đặc biệt có thể sắp xếp những người có trình độ kiến thức, năng lực thực hành và chuyên môn nghiệp vụ cao vào làm việc cho Chính phủ và bổ nhiệm vào các vị trí công việc trí thức vào các bậc chuyên môn, chuyên môn cao cấp, chuyên gia hoặc cố vấn, hoặc vào các vị trí công việc tổng hợp với bậc lãnh nghề bậc cao, phù hợp với các quy tắc, thủ tục và điều kiện do Ban Công vụ quy định.

Điều 57: Đối với các trường hợp sắp xếp vào làm cho Chính phủ với tư cách là công chức và các trường hợp bổ nhiệm vào các vị trí công việc theo quy định của điều 53, điều 55,

điều 56, điều 63, điều 64, điều 65 và điều 66 thì những người có thẩm quyền dưới đây sẽ ra các quyết định sắp xếp và bổ nhiệm:

- (1) Đối với trường hợp sắp xếp và bổ nhiệm vào một vị trí công việc lãnh đạo cấp cao hơn tức là Thủ tướng của một cơ quan cấp Bộ và Thủ tướng của một cơ quan Chính phủ thuộc cấp Cục/Vụ dưới sự quản lý của, hoặc trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện các chức năng trước Thủ tướng hoặc Bộ trưởng tùy trường hợp cụ thể, thì Bộ trưởng chịu trách nhiệm trình sự tiến cử đó lên Hội đồng Bộ trưởng để phê chuẩn; Sau khi có sự phê chuẩn của Hội đồng Bộ trưởng, Bộ trưởng chịu nhiệm sẽ ra quyết định sắp xếp và Thủ tướng sẽ trình vấn đề này lên nhà Vua để bổ nhiệm.
- (2) Đối với việc sắp xếp và bổ nhiệm vào một vị trí lãnh đạo cấp cao hơn tức là Phó thủ tướng của một cơ quan Chính phủ cấp Bộ, Thủ tướng của một cơ quan Chính phủ cấp Cục/Vụ, Phó Thủ tướng của một cơ quan Chính phủ cấp Cục/Vụ dưới sự quản lý của, hoặc trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện các chức năng trước Thủ tướng hay Bộ trưởng tùy trường hợp cụ thể, hoặc các vị trí công việc khác do Ban Công vụ quy định là các vị trí lãnh đạo cấp cao hơn, thì Thư ký thường trực giám sát hoặc Thủ tướng cơ quan Chính phủ cấp Cục/Vụ dưới sự quản lý của, hoặc trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện các chức năng trước Thủ tướng hoặc Bộ trưởng tùy trường hợp cụ thể, sẽ trình việc tiến cử đó lên Bộ trưởng chịu trách nhiệm để trình lên Hội đồng Bộ trưởng phê chuẩn; sau khi có sự phê chuẩn của Hội đồng Bộ trưởng, thì Thư ký thường trực giám sát đó hoặc Thủ tướng cơ quan Chính phủ cấp Cục/Vụ sẽ ra quyết định sắp xếp và Thủ tướng sẽ trình vấn đề này lên nhà Vua để bổ nhiệm.
- (3) Đối với việc sắp xếp và bổ nhiệm một vị trí lãnh đạo ở bậc thứ nhất, Thư ký thường trực giám sát hoặc Thủ tướng của cơ quan Chính phủ cấp Cục/Vụ chịu sự quản lý của, hoặc trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện các chức năng trước Thủ tướng hoặc Bộ trưởng tùy trường hợp cụ thể sẽ ra quyết định sắp xếp và bổ nhiệm.
- (4) Đối với việc sắp xếp và bổ nhiệm một vị trí quản lý, vị trí người làm công tác trí thức tại cấp thực hành, cấp chuyên môn, cấp chuyên môn cao cấp và cấp chuyên gia, và các vị trí tổng hợp trong Văn phòng Bộ trưởng, thì Bộ trưởng chịu trách nhiệm sẽ ra quyết định sắp xếp và bổ nhiệm.
- (5) Đối với việc sắp xếp và bổ nhiệm vào các vị trí quản lý cao cấp hơn, Thư ký thường trực giám sát hoặc Thủ tướng cơ quan Chính phủ cấp Cục/Vụ chịu sự quản lý của, hoặc trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện các chức năng trước Thủ tướng hay Bộ trưởng tùy trường hợp cụ thể sẽ ra quyết định sắp xếp và bổ nhiệm.
- (6) Đối với việc sắp xếp và bổ nhiệm các vị trí quản lý bậc thứ nhất, Tổng Giám đốc giám sát sẽ ra quyết định sắp xếp và bổ nhiệm sau khi có sự phê chuẩn của Thư ký thường trực; như đối với trường hợp sắp xếp và bổ nhiệm vào các vị trí quản lý bậc thứ nhất trong các cơ quan Chính phủ cấp Cục/Vụ chịu sự quản lý của, hoặc trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện các chức năng trước Thủ tướng hay Bộ trưởng tùy trường hợp cụ thể, thì Tổng Giám đốc giám sát sẽ ra quyết định sắp xếp và bổ nhiệm.
- (7) Đối với việc sắp xếp và bổ nhiệm các vị trí công việc của người làm công tác trí thức bậc cổ vấn, Bộ trưởng chịu trách nhiệm sẽ trình sự tiến cử lên Hội đồng Bộ trưởng để phê chuẩn; sau khi có sự phê chuẩn của Hội đồng Bộ trưởng, Bộ trưởng chịu trách nhiệm sẽ ra quyết định sắp xếp, và Thủ tướng sẽ trình vấn đề đó lên nhà Vua để bổ nhiệm.

- (8) Đối với việc sắp xếp và bổ nhiệm các vị trí công việc của người làm công tác trí thức bậc chuyên gia, Thư ký thường trực hoặc Thủ trưởng cơ quan Chính phủ cấp Cục/Vụ chịu sự giám sát của, hoặc trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện các chức năng trước Thủ tướng hay Bộ trưởng tùy trường hợp cụ thể sẽ ra quyết định sắp xếp và bổ nhiệm.
- (9) Đối với việc sắp xếp và bổ nhiệm các vị trí công việc của người làm công tác trí thức bậc chuyên môn cao cấp và các vị trí công việc tổng hợp bậc tay nghề cao cấp, thì Tổng Giám đốc giám sát sẽ ra quyết định sắp xếp và bổ nhiệm sau khi có sự phê chuẩn của Thư ký thường trực; còn đối với việc sắp xếp và bổ nhiệm các vị trí công việc của những người làm công tác trí thức bậc chuyên môn cao cấp và các vị trí công việc tổng hợp bậc tay nghề cao cấp trong các cơ quan Chính phủ cấp Cục/Vụ chịu sự quản lý của, hoặc trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện các chức năng trước Thủ tướng hay Bộ trưởng tùy trường hợp cụ thể, thì Tổng Giám đốc giám sát sẽ ra quyết định sắp xếp và bổ nhiệm.
- (10) Đối với việc sắp xếp và bổ nhiệm các vị trí công việc của những người làm công tác trí thức bậc chuyên môn và bậc thực hành, và các vị trí công việc tổng hợp bậc cao cấp và bậc có kinh nghiệm, thì Tổng Giám đốc giám sát hoặc người được Tổng Giám đốc chỉ định sẽ ra quyết định sắp xếp và bổ nhiệm.
- (11) Đối với việc sắp xếp và bổ nhiệm theo quy định của điều 53 và việc sắp xếp lại theo quy định của điều 63 vào một vị trí công việc theo quy định của khoản (9) mà đó không phải là một vị trí công việc tổng hợp bậc tay nghề cao cấp, và việc sắp đặt và bổ nhiệm các vị trí công việc theo quy định của khoản (10) trong cơ quan hành chính khu vực, thì Thống đốc tỉnh giám sát sẽ ra quyết định sắp xếp và bổ nhiệm.

Việc tiến cử để bổ nhiệm một công chức vào một vị trí công việc sẽ phải có một báo cáo đi kèm về sự phù hợp cũng như các lý do phù hợp với các quy định và thủ tục do Ban Công vụ quy định.

Điều 58: Trong trường hợp bất kỳ công chức nào nắm giữ một vị trí lãnh đạo đã thực hiện cùng các nhiệm vụ trong 4 năm liên tục, thì quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 sẽ tiến hành các quy trình thủ tục để trao đổi nhiệm vụ, sắp xếp lại hoặc chuyển tới làm các nhiệm vụ khác, trừ trường hợp cần thiết phục vụ lợi ích cho công tác của Chính phủ, và trong trường hợp đó có thể đề nghị sự phê chuẩn của Hội đồng Bộ trưởng đối với người đó để tiếp tục thực hiện cùng các nhiệm vụ thêm một thời gian không quá 2 năm, phù hợp với các quy định và thủ tục do Ban Công vụ quy định.

Các quy định của khoản (1) không áp dụng cho những người nắm giữ các vị trí công việc do Ban Công vụ quy định là những vị trí công việc có bản chất đặc thù.

Điều 59: Người được sắp xếp và bổ nhiệm theo quy định của điều 53 khoản (1) hoặc điều 55 sẽ thực hiện các nhiệm vụ chính thức trên cơ sở thực tập và sẽ được phát triển để học hỏi theo các quy định và thu xếp khi làm việc trong Chính phủ và hành vi đạo đức tốt của công chức như được quy định bởi Quy chế Ban Công vụ. Khi một người thực hiện các nhiệm vụ chính thức trên cơ sở thực tập theo quy định của khoản (1) đã có kết quả của việc đánh giá đối với việc thực tập các nhiệm vụ chính thức như được quy định bởi Quy chế Ban Công vụ và không thấp hơn dưới các tiêu chuẩn được quy định, quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 sẽ ra quyết định cho người đó tiếp tục phục vụ cho Chính phủ. Nếu người đó nhận được kết quả đánh

giá đối với việc thực tập các nhiệm vụ chính thức thấp hơn các tiêu chuẩn quy định, thì quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 có thể không tiếp nhận người đó vào làm việc cho Chính phủ không tính đến việc liệu giai đoạn thực tập đã kết thúc hay chưa.

Người không được nhận vào làm việc cho Chính phủ theo quy định của khoản (2) sẽ bị coi là người đó chưa bao giờ là một công chức. Tuy nhiên, sẽ không có bất kỳ thành kiến nào đối với bất kỳ hành vi nào của người đó trong khi thực hiện các nhiệm vụ chính thức hoặc nhận lương hoặc các lợi ích khác đã nhận hoặc được quyền nhận qua việc phục vụ Chính phủ trong khi người đó vẫn đang trong kỳ thực tập.

Trường hợp một người trong giai đoạn thực tập có lý do chính đáng cho thấy vi phạm kỷ luật, thì quan chức giám sát quản lý sẽ tiến hành các quy trình thủ tục kỷ luật như quy định trong Chương 7 Quy trình Thủ tục Kỷ luật, và nếu người đó cũng có nguyên nhân để loại ra khỏi cơ quan Chính phủ theo quy định của khoản (2), thì quan chức giám sát quản lý sẽ sơ bộ tiến hành theo quy định của khoản (2). Các quy định của khoản (1), khoản (2) và khoản (3) sẽ được áp dụng với những sửa đổi thích đáng về chi tiết đối với những công chức hoặc nhân viên trong cơ quan hành chính địa phương được điều chuyển theo quy định của điều 64 trong thời gian thực tập các nhiệm vụ chính thức.

Điều 60: Trường hợp một công chức đang làm việc trong thời gian thực tập bị buộc thôi việc theo quy định của điều 111 và sau đó lại nhận thấy rằng người đó cũng có nguyên nhân để buộc thôi việc theo quy định của điều 59 hoặc các điều khác thì quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 hoặc thẩm quyền theo quy định của các điều khác tùy trường hợp cụ thể, sẽ có thẩm quyền sửa đổi quyết định buộc thôi việc theo quy định của điều 59 hoặc các điều khác có liên quan.

Điều 61: Việc bổ nhiệm một công chức vào một vị trí trong một nhóm phân loại vị trí công việc không được quy định trong các phân loại cụ thể đó thì sẽ không được tiến hành.

Điều 62: Người được bổ nhiệm vào bất kỳ một vị trí công chức nào thì đều phải đáp ứng yêu cầu về trình độ đối với vị trí đó như theo quy định của các phân loại cụ thể.

Trong trường hợp cần thiết và có lý do chính đáng, Ban Công vụ sẽ phê chuẩn việc bổ nhiệm một công chức có đủ trình độ khác với các yêu cầu về trình độ như theo quy định của các phân loại cụ thể.

Trong trường hợp Ban Công vụ yêu cầu phải xuất trình bằng, chứng chỉ học nghề hoặc bất kỳ văn bằng nào, thì điều đó có nghĩa là bằng, chứng chỉ học nghề hoặc văn bằng khác được Ban Công vụ thừa nhận.

Điều 63: Việc bố trí lại, chuyển chuyên hoặc đề bạt một công chức vào một vị trí công việc của công chức bên trong Bộ hoặc Cục/Vụ hoặc sang Bộ hoặc Cục/Vụ khác tùy trường hợp cụ thể sẽ do Quy chế Ban Công vụ quy định.

Việc chuyển chuyên tạm thời và tái bổ nhiệm một công chức từ một Bộ hoặc Cục/Vụ sang một vị trí công chức làm việc tại nước ngoài hoặc trong một Bộ hoặc Cục/Vụ khác trong một giai đoạn xác định sẽ tiến hành theo các quy định và thủ tục do Ban Công vụ quy định.

Việc bố trí lại hoặc chuyển chuyên và tái bổ nhiệm một công chức vào một vị trí ở bậc thấp hơn sẽ không được phép tiến hành trừ trường hợp có sự đồng ý của công chức đó.

Việc sắp xếp một công chức đã nghỉ việc do bị buộc rời khỏi cơ quan Chính phủ để gia nhập quân đội theo quy định của luật nghĩa vụ quân sự, hoặc là người đã có sự phê chuẩn

của Hội đồng Bộ trưởng để thực hiện bất kỳ công việc nào mà thời gian làm công việc đó sẽ được tính đầy đủ vào việc xác định các khoản phụ cấp hưu trí và lương hưu trí coi đó là giai đoạn công tác chính thức, hoặc nghỉ làm việc cho Chính phủ mà không phải là vào thời gian tập sự, quay trở lại làm việc cho Chính phủ ở trong Bộ hoặc Cục/Vụ, bao gồm cả việc sắp xếp và bổ nhiệm người đó vào trong các phân loại vị trí công việc, nhóm phân loại công việc, các bậc, các công việc, và việc quyết định mức lương của người đó sẽ được tiến hành theo các quy định và thủ tục do Ban Công vụ quy định.

Nhằm mục đích xác định giai đoạn phục vụ Chính phủ theo quy định của Luật này và của luật phụ cấp hưu trí và lương hưu trí, một công chức đã nghỉ việc vì lý do thôi việc trong cơ quan Chính phủ để gia nhập quân đội theo luật nghĩa vụ quân sự, hoặc là người đã có sự phê chuẩn của Hội đồng Bộ trưởng để thực hiện bất kỳ công việc nào mà thời gian công tác đó sẽ được tính đầy đủ vào việc xác định phụ cấp hưu trí và tiền lương hưu trí coi đó là thời gian công tác cho Chính phủ, sau khi được sắp xếp lại vào công tác cho Chính phủ, sẽ được phép tính gộp số ngày làm việc cho Chính phủ trước đó với số ngày không làm việc cho Chính phủ mà phục vụ trong quân đội theo quy định của luật nghĩa vụ quân sự hoặc số ngày thực hiện công việc được sự phê chuẩn bởi Hội đồng Bộ trưởng tuy trường hợp cụ thể, và số ngày làm việc cho Chính phủ sau khi được sắp xếp lại vào làm việc cho Chính phủ coi đó là thời gian công tác cho Chính phủ liên tục giống như việc người đó chưa từng bao giờ rời khỏi công việc của Chính phủ. Người thôi không làm việc cho Chính phủ mà không phải là một trường hợp nghỉ việc trong thời gian tập sự, và đã được sắp xếp lại vào làm việc cho Chính phủ theo quy định của khoản (4), sẽ được phép tính gộp thời gian làm việc cho Chính phủ trước đó với thời gian không làm việc cho Chính phủ nhằm mục đích tính toán thời gian phục vụ cho Chính phủ theo quy định của Luật này.

Điều 64: Việc chuyển chuyên cán bộ địa phương, chuyển chuyên cán bộ là những người không phải là công chức theo quy định của Luật này và không phải là cán bộ chính trị, và việc chuyển chuyên nhân sự từ các cơ quan Nhà nước khác theo quy định của Ban Công vụ, sang việc sắp xếp thành các công chức, cũng như việc bổ nhiệm vào bất kỳ phân loại vị trí công việc nào, nhóm phân loại công việc, bậc công việc, và việc xác định mức lương, sẽ được tiến hành theo các quy định và thủ tục do Ban Công vụ quy định.

Nhằm phục vụ xác định thời gian làm việc cho Chính phủ, thời gian làm việc cho Chính phủ hoặc thời gian công tác của một người được chuyển đến làm việc cho Chính phủ theo quy định của khoản (1) cũng sẽ được coi là thời gian công tác cho Chính phủ của công chức theo quy định của Luật này.

Điều 65: Trong trường hợp cán bộ địa phương vẫn chưa nghỉ việc trong thời gian tập sự hoặc một cán bộ không phải là công chức theo quy định của Luật này, và không phải là cán bộ chính trị, cán bộ đặc biệt hoặc cán bộ là người đã nghỉ việc trong Chính phủ trong thời gian thực tập các nhiệm vụ chính thức, là người cũng đã nghỉ việc hoặc không còn phục vụ cho Chính phủ, đăng ký xin vào làm việc cho Chính phủ với tư cách là một công chức và các cơ quan chính quyền chủ định thu nạp người đó vào làm việc cho Chính phủ, thì quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 sẽ xem xét trường hợp đăng ký đó có tính đến lợi ích của các cơ quan chính quyền. Việc sắp xếp và bổ nhiệm vào một phân loại vị trí công việc cụ thể, một nhóm phân loại công việc, một bậc công việc và việc xác định mức lương của người đó sẽ phải phù hợp các quy định và thủ tục do Ban Công vụ quy định.

Phục vụ mục đích xác định thời gian công tác cho Chính phủ, thời gian công tác cho Chính phủ hoặc thời gian công tác của người đó khi vào làm cho Chính phủ theo quy định của khoản (1) trong khi là một cán bộ hoặc cán bộ địa phương cũng sẽ được tính là thời gian công tác cho Chính phủ của công chức theo quy định của luật này.

Điều 66: Nếu sau đó nhận thấy rằng bất kỳ công chức nào là người đã được bổ nhiệm vào một vị trí công việc theo quy định của điều 62 lại không đáp ứng được yêu cầu về trình độ đối với vị trí công việc đó, thì quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 sẽ bổ nhiệm lại người đó vào vị trí công việc ban đầu hoặc vị trí công việc khác trong cùng phân loại và bậc công việc. Tuy nhiên sẽ không có định kiến với bất kỳ hành vi nào của người đó thực thi theo thẩm quyền và nhiệm vụ và việc hưởng lương và các lợi ích khác hoặc quyền được hưởng trước khi nhận quyết định tái bổ nhiệm vào vị trí công việc ban đầu hoặc vị trí công việc khác trong cùng phân loại và bậc công việc.

Mức lương phải trả, quyền và các lợi ích của người được bổ nhiệm tại vị trí công việc ban đầu hoặc vị trí công việc khác cùng phân loại và bậc công việc theo quy định của khoản (1) sẽ được tiến hành phù hợp với các quy định và thủ tục do Ban Công vụ quy định.

Trong trường hợp vì bất kỳ một lý do nào không thể bổ nhiệm lại vị trí công việc ban đầu hay vị trí công việc khác trong cùng phân loại và bậc công việc theo quy định của khoản (1), Ban Công vụ sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể.

Điều 67: Nếu sau đó nhận thấy rằng người được sắp xếp vào làm việc cho Chính phủ với tư cách là công chức và được bổ nhiệm vào một vị trí công việc theo quy định của điều 53 khoản (1), điều 55, điều 56, điều 63, điều 64 và điều 65 thiếu các trình độ chung hoặc thuộc diện bị cấm không được hưởng chiếu cố theo quy định của điều 36 hoặc không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về trình độ đối với vị trí công việc đó và không được Ban Công vụ phê chuẩn theo quy định của điều 62 trước khi sắp xếp hoặc đang có nghi vấn và sau đó người đó không đủ trình độ theo nghi vấn đó sau khi được sắp xếp, thì quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 sẽ ra quyết định miễn nhiệm người đó. Tuy nhiên sẽ không có định kiến với bất kỳ hành vi nào mà người đó thực hiện theo thẩm quyền và nhiệm vụ và việc hưởng lương hay các lợi ích khác hoặc quyền được hưởng từ phía các cơ quan chính quyền trước khi có quyết định miễn nhiệm đó, và nếu được vào làm cho Chính phủ một cách trung thực, thì việc miễn nhiệm sẽ được coi là thực hiện vì mục đích bồi thường trợ cấp hưu trí và lương hưu trí theo quy định của luật phụ cấp hưu trí và lương hưu trí.

Điều 68: Trong trường hợp một vị trí của công chức bị bỏ trống, người nắm giữ vị trí không thể thực hiện các nhiệm vụ chính thức, và trường hợp đó lại không được quy định trong luật hành chính quốc gia, thì quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp đặt theo quy định của điều 57 sẽ có thẩm quyền quyết định rằng công chức đó được coi là phù hợp để tạm thời công tác trong vị trí công việc đó.

Công chức tạm quyền theo quy định của khoản (1) sẽ có thẩm quyền và nhiệm vụ của vị trí công việc mà người đó đang tạm thời đảm trách. Trong trường hợp các luật, các quy định, các quy tắc, các chỉ thị khác, các nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng, các nghị quyết của các uỷ ban thành lập theo luật định, hoặc quyết định một quan chức giám sát quản lý bổ nhiệm người nắm giữ vị trí đó để trở thành một thành viên của uỷ ban hoặc có bất kỳ thẩm quyền hay nhiệm vụ nào, thì công chức tạm quyền đó sẽ thực hiện các nhiệm vụ của

thành viên uỷ ban hoặc các thẩm quyền và nhiệm vụ khác trong khi công tác trong vị trí công việc đó, tùy trường hợp cụ thể.

Điều 69: Trong trường hợp có sự cần thiết và lý do chính đáng, quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 sẽ có thẩm quyền quyết định một công chức được tạm thời chuyển đến một cơ quan Chính phủ và thôi không còn nắm giữ vị trí công việc ban đầu theo quy định của Quy chế Ban Công vụ.

Việc trả lương, bổ nhiệm, tăng lương, quy trình thủ tục kỷ luật và nghỉ hưu của công chức theo quy định của khoản (1) sẽ do Quy chế Ban Công vụ quy định.

Điều 70: Trong trường hợp cần thiết và có lý do chính đáng, quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 sẽ có thẩm quyền miễn nhiệm một công chức ra khỏi vị trí công tác cũng như mức lương trong vị trí công việc ban đầu, và được trả lương với tư cách là lực lượng lao động dự bị trong một thời gian theo quy định của Ban Công vụ. Những điều đã nói ở trên sẽ được thực hiện với các quy định và thủ tục do Quy chế Ban Công vụ quy định.

Việc bãi nhiệm, trả lương, bổ nhiệm, tăng lương, quy trình thủ tục kỷ luật và nghỉ hưu của công chức theo quy định của khoản (1) sẽ do Quy chế Ban Công vụ quy định.

Trong trường hợp không còn cần thiết hoặc giai đoạn trả lương với tư cách lực lượng lao động dự bị đã hết hạn, thì quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 sẽ chấm dứt trả lương cho công chức với tư cách là lực lượng lao động dự bị và bổ nhiệm người đó vào vị trí công việc ban đầu với cùng phân loại và bậc công việc.

Điều 71: Trong trường hợp các Toà án Hành chính đã tuyên án cuối cùng bác bỏ quyết định bổ nhiệm một công chức, thì nhiệm vụ của Ban Công vụ sau khi có sự phê chuẩn của Hội đồng Bộ trưởng là tiếp tục có các quyết định phù hợp để thực hiện các biện pháp khắc phục và điều chỉnh hoặc có các hành động phù hợp.

Chương 4

Nâng cao hiệu suất và tạo dựng sự hăng say công tác trong việc thực hiện các chức năng công vụ

Điều 72: Một cơ quan Chính phủ sẽ có nhiệm vụ tiến hành các hoạt động để nâng cao hiệu suất và tạo dựng sự hăng say công tác cho công chức để có được những công chức có đủ phẩm chất, tư cách đạo đức và có tinh thần hăng say và chất lượng cuộc sống tốt, có khát vọng và nhiệt tình trong khi thực hiện các chức năng công vụ nhằm đạt được đầu ra mong muốn định hướng kết quả đối với các nhiệm vụ của Nhà nước. Những quy định này sẽ được thực hiện phù hợp với các quy định và thủ tục do Ban Công vụ quy định.

Trong trường hợp nếu thấy phù hợp và kinh tế, Ban Công vụ có thể ra quy định về việc nâng cao hiệu suất và tạo dựng sự say mê công tác thay mặt cơ quan Chính phủ theo quy định của khoản (1).

Điều 73: Một quan chức giám sát quản lý phải tự mình cư xử với những người dưới quyền của mình một cách có văn hoá và công bằng, và tạo dựng sự say mê công tác cho những người dưới quyền để trở thành những người công chức tốt.

Điều 74: Trường hợp một công chức tự bản thân mình có hành vi cư xử đạo đức và chấp hành nghiêm chỉnh các nguyên tắc kỷ luật, và thực hiện chức năng công vụ của mình một cách hiệu quả và đạt được đầu ra định hướng kết quả mong muốn trong khi thực hiện các nhiệm vụ của Nhà nước, quan chức giám sát có thể xem xét tăng lương nếu thấy phù hợp trong trường hợp đó như theo quy định của Quy chế Ban Công vụ, và cũng có thể trao các phần thưởng khác như giấy khen, điểm xuất sắc hoặc một giải thưởng.

Điều 75: Các chương trình học tập nâng cao, đào tạo, tham quan khảo sát công việc hoặc các hoạt động nghiên cứu được tiến hành trong nước hoặc ở nước ngoài của một công chức sẽ phải phù hợp với các quy tắc, thủ tục và điều kiện do Ban Công vụ quy định.

Điều 76: Quan chức giám sát quản lý sẽ có nhiệm vụ đánh giá việc thực hiện các chức năng công vụ của những người dưới quyền coi đó là một phần trong quá trình xem xét để bổ nhiệm và tăng lương, phù hợp với các quy định và thủ tục do Ban Công vụ quy định. Các kết quả đánh giá theo quy định của khoản (1) cũng sẽ được áp dụng nhằm mục đích phát triển và tăng cường tính hiệu lực hiệu quả trong khi thực hiện các chức năng công vụ.

Điều 77: Trong trường hợp một công chức từ trần trong khi thực hiện các chức năng công vụ, quan chức giám sát quản lý sẽ cân nhắc tăng lương cho người đó coi đó là trường hợp đặc biệt để có lợi cho việc tính toán phụ cấp hưu trí và lương hưu trí hoặc để trao các lợi ích khác theo như quy định của Hội đồng Bộ trưởng.

Chương 5

Nâng cao đạo đức của công chức

Điều 78: Công chức phải nâng cao đạo đức công chức như theo quy định của cơ quan Chính phủ với mục tiêu là có được những người công chức tốt thể hiện danh diện phẩm giá của người công chức đặc biệt đối với các vấn đề dưới đây:

- (1) Tuân thủ và kiên quyết có hành động đúng đắn.
- (2) Trung thực và có trách nhiệm
- (3) Minh bạch và thực thi các nhiệm vụ một cách có trách nhiệm
- (4) Thực thi nhiệm vụ không phân biệt đối xử bất công
- (5) Kiên định chủ chương định hướng kết quả

Một cơ quan Chính phủ sẽ đưa ra các quy định về đạo đức của người công chức phù hợp với các miêu tả công việc trong cơ quan Chính phủ đó theo các nguyên tắc chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp.

Trong khi đưa ra các quy định về đạo đức của người công chức theo quy định của khoản (2), sẽ tổ chức buổi điều trần cho công chức và các quy định sẽ được ban hành một cách công khai.

Điều 79: Trường hợp một công chức không tuân thủ đạo đức của người công chức nhưng chưa đến mức vi phạm kỷ luật, thì quan chức giám sát quản lý sẽ đưa ra cảnh cáo, liên hệ sự việc đó với việc xem xét bổ nhiệm tăng lương hoặc ra quyết định yêu cầu công chức đó phải tu dưỡng trau dồi thêm.

Chương 6

Kỷ luật và duy trì kỷ luật

Điều 80: Công chức phải luôn luôn duy trì kỷ luật chặt chẽ thông qua việc có các hành vi và không có các hành vi như được quy định ở trong Chương này.

Một công chức thực hiện các chức năng công vụ ở nước ngoài, ngoài việc duy trì kỷ luật như quy định ở trong Chương này, còn phải duy trì kỷ luật thông qua việc có các hành vi và không có các hành vi như quy định của Quy chế Ban Công vụ.

Điều 81: Công chức phải trung thành ủng hộ hình thức Chính phủ dân chủ với nhà Vua là Nguyên thủ Quốc gia.

Điều 82: Công chức phải thực hiện các chỉ thị dưới đây:

- (1) Thực thi công vụ một cách trung thành, trung thực và công bằng.
- (2) Thực thi công vụ phù hợp với quy định của luật, các quy định, các quy tắc của các cơ quan chính quyền, các nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng các chính sách của Chính phủ và hoạt động phù hợp với khuôn khổ quy định của các cơ quan chính quyền.
- (3) Thực thi công vụ nhằm đạt được các kết quả mong muốn và thúc đẩy công việc của Chính phủ với sự quyết tâm, chuyên cần, sự chuyên chú và nhận thức để bảo vệ các lợi ích của các cơ quan chính quyền.
- (4) Tuân thủ các quyết định của các quan chức giám sát quản lý đưa ra trong quá trình thực hiện công vụ phù hợp với pháp luật và quy định của các cơ quan chính quyền, và không được trái lệnh hoặc né tránh tuân thủ những mệnh lệnh đó; tuy nhiên nếu công chức nhận thấy rằng việc tuân thủ mệnh lệnh đó sẽ gây tổn hại tới cơ quan Chính phủ, hoặc sẽ không bảo vệ lợi ích của các cơ quan chính quyền, thì công chức ngay lập tức trình ý kiến của mình bằng văn bản cho quan chức giám sát quản lý để xem xét lại mệnh lệnh đó; sau khi đã trình ý kiến bằng văn bản, nếu quan chức giám sát quản lý khẳng định rằng mệnh lệnh ban đầu phải được tuân thủ thì công chức dưới quyền phải tuân thủ mệnh lệnh đó.
- (5) Dành thời gian chuyên tâm vào công việc của Chính phủ, và không được vắng mặt hoặc bê trễ trong việc thi hành công vụ.
- (6) Bảo vệ các bí mật của Nhà nước.
- (7) Hoà nhã, bảo vệ sự hài hoà và cộng tác với công chức và đồng nghiệp khác trong khi thực hiện các chức năng công việc.
- (8) Hiếu khách, đáp ứng, công bằng và hỗ trợ cho các thành viên của công chúng là những người đến tiếp xúc với mình liên quan đến nhiệm vụ của mình.
- (9) Trung lập về chính trị trong việc thực thi công vụ và trong các nhiệm vụ khác có bao gồm công chúng, cũng như hành động phù hợp với các quy định của các cơ quan chính quyền về hoạt động chính trị của công chức.
- (10) Bảo vệ thanh danh của mình và bảo vệ phẩm giá của chức vụ của mình không bị bôi nhọ.
- (11) Có các hoạt động khác như quy định của Quy chế Ban Công vụ.

Điều 83: Công chức không được vi phạm những điều cấm dưới đây:

- (1) Không được có báo cáo sai cho quan chức giám sát quản lý; việc che giấu những sự thực mà cần phải được tiết lộ cũng sẽ bị coi là báo cáo sai.
- (2) Không thực hiện các chức năng công vụ dẫn tới việc qua mặt cấp trên của mình trừ trường hợp cấp trên của mình đã ra lệnh có hành động như vậy hoặc đã cho phép đặc biệt trên cơ sở từng trường hợp một.

- (3) Không được sử dụng hoặc đồng ý cho người khác sử dụng vị trí công việc của mình để khai thác lợi ích cho bản thân hoặc cho những người khác.
- (4) Không được tặc trách trong thực thi công vụ.
- (5) Không được có các hành vi hoặc đồng ý với việc người khác có hành vi mưu cầu lợi ích có thể phương hại đến tính công bằng hoặc có hại đến danh dự của vị trí công tác của một người.
- (6) Không được giữ chức vụ giám đốc điều hành hoặc quản đốc hoặc nắm giữ bất kỳ một vị trí nào có cùng một bản chất công việc trong một liên doanh hoặc một công ty.
- (7) Không có bất kỳ hành vi nào dẫn đến lạm dụng, trấn áp hoặc đe dọa người khác trong khi thực hiện các chức năng công vụ.
- (8) Không được có hành vi dẫn tới hăm hiếp hoặc sách nhiễu tình dục như quy định của Quy chế Ban Công vụ.
- (9) Không được lăng mạ, làm mất thể diện, trấn áp hoặc đe dọa các thành viên của công chúng trong khi tiếp xúc với công chức.
- (10) Không được có bất kỳ hành vi nào khác như theo quy định của Quy chế Ban Công vụ.

Điều 84: Công chức nào không tuân thủ các chỉ thị được quy định trong điều 81 và trong điều 82 hoặc vi phạm một điều cấm như quy định trong điều 83 thì đã vi phạm kỷ luật.

Điều 85: Các trường hợp vi phạm kỷ luật như đã miêu tả dưới đây là các trường hợp vi phạm kỷ luật nghiêm trọng:

- (1) Thực thi sai trái hoặc không thực thi công vụ nhằm gây ra tổn hại nghiêm trọng đối với bất kỳ ai, hoặc thực thi một cách man trá hoặc không thực thi công vụ.
- (2) Rời bỏ hoặc xao nhãng công việc mà không có lý do chính đáng dẫn đến tổn hại nghiêm trọng cho công vụ.
- (3) Rời bỏ công vụ hơn 15 ngày liên tục trong cùng một dịp mà không có lý do chính đáng, hoặc trong trường hợp hoàn cảnh cho thấy có chủ ý không tuân thủ các quy định của các cơ quan chính quyền.
- (4) Có hành vi dẫn đến một điều sai trái nghiêm trọng.
- (5) Lăng mạ, làm mất thể diện, trấn áp, đe dọa hoặc làm hại nghiêm trọng các thành viên của công chúng tiếp xúc với công chức.
- (6) Phạm tội hình sự dẫn đến bị phạt tù hoặc một hình phạt nặng hơn phạt tù là phạt tù chung thân hoặc một hình phạt nặng hơn hình phạt tù, với trường hợp ngoại lệ phạm tội do bất cẩn hoặc tội không nghiêm trọng.
- (7) Không có các hành động hoặc có bất kỳ hành động không tuân thủ với điều 82 hoặc vi phạm một điều cấm như quy định của điều 83 gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho cơ quan Chính phủ.
- (8) Không có các hành động hoặc có bất kỳ hành động không tuân thủ với điều 80 khoản (2) và điều 82 khoản (11), hoặc vi phạm một điều cấm như quy định của điều 83 (10), như đã được quy định bởi Quy chế Ban Công vụ là trường hợp vi phạm kỷ luật nghiêm trọng.

Điều 86: Các quy định của Ban Công vụ như quy định trong điều 80 khoản (2), điều 82 (11), điều 83 (8) và (10) và điều 85 (8) sẽ áp dụng cho các hành vi thực hiện sau khi các quy định như vậy của Ban Công vụ sẽ có hiệu lực.

Điều 87: Quan chức giám sát quản lý có nhiệm vụ đề cao và tăng cường kỷ luật của những người dưới quyền và ngăn ngừa những người dưới quyền vi phạm kỷ luật, phù hợp với các quy định và thủ tục do Ban Công vụ quy định.

Điều 88: Công chức nào đã vi phạm kỷ luật thì phải bị trừng phạt kỷ luật, trừ phi có lý do chính đáng để miễn hình phạt như quy định tại Chương 7 Quy trình Thủ tục Kỷ luật. Có 5 hình thức kỷ luật như sau:

- (1) Cảnh cáo bằng văn bản
- (2) Trừ lương
- (3) Hạ bậc lương
- (4) Miễn nhiệm
- (5) Buộc thôi việc.

Điều 89: Việc kỷ luật công chức sẽ được thi hành bằng một quyết định. Người ra quyết định kỷ luật phải áp đặt một hình thức kỷ luật phù hợp với vi phạm và phải được thực hiện một cách công tâm và không định kiến. Quyết định kỷ luật phải nêu rõ các mức độ vi phạm kỷ luật của người bị kỷ luật và các điều trong luật được viện dẫn.

Chương 7

Quy trình Thủ tục Kỷ luật

Điều 90: Khi có tố cáo hoặc trường hợp nghi vấn công chức đã có vi phạm kỷ luật, quan chức giám sát quản lý có nhiệm vụ phải nhanh chóng báo cáo cho quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57, và quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 sẽ nhanh chóng tiến hành các quy trình thủ tục như quy định của Luật này với sự công minh và không định kiến.

Quan chức giám sát quản lý hoặc quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 là người sao nhãng nhiệm vụ theo quy định của khoản (1), hoặc thực thi nhiệm vụ không trung thực, sẽ bị coi là đã vi phạm kỷ luật. Thẩm quyền và nhiệm vụ của quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 theo quy định của Chương này có thể được quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 uỷ quyền giao cho quan chức giám sát quản lý cấp dưới theo quy định của Ban Công vụ.

Điều 91: Khi nhận được báo cáo theo quy định của điều 90, hoặc vụ việc đã trở nên rõ ràng đối với quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57, thì quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 sẽ nhanh chóng tiến hành các thủ tục hoặc ra quyết định điều tra hoặc tiến hành xem xét sơ bộ để quyết định vụ việc có đúng là người đó đã vi phạm kỷ luật hay không. Nếu nhận thấy rằng vụ việc không có đầy đủ chứng cứ vi phạm kỷ luật, thì vụ việc sẽ được kết thúc.

Trường hợp nhận thấy có đầy đủ lý do cho thấy công chức đã vi phạm kỷ luật mà chứng cứ ban đầu đã rõ, sẽ tiến hành các thủ tục tiếp theo như quy định của điều 92 hoặc điều 93 tùy trường hợp cụ thể.

Điều 92: Trong trường hợp kết quả điều tra hoặc sau khi xem xét theo quy định của điều 91 nhận thấy rằng vụ việc có đủ điều kiện, nếu hành vi vi phạm bị tố cáo không cấu thành

tội vi phạm kỷ luật nghiêm trọng, và các tố cáo và tóm tắt chứng cứ đã được gửi cho người bị tố cáo, cũng như sau khi đã nghe ý kiến giải trình của người bị tố cáo, quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 nhận thấy rằng người bị tố cáo đã có vi phạm như tố cáo, thì quan chức giám sát quản lý sẽ ra quyết định kỷ luật phù hợp với trường hợp đó mà không phải chỉ định một ban thẩm tra.

Trong trường hợp như quy định của khoản (1), nếu quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 nhận thấy rằng người bị tố cáo đã không vi phạm như bị tố cáo, thì quan chức giám sát quản lý đó sẽ ra quyết định chấm dứt vụ việc.

Điều 93: Trong trường hợp kết quả điều tra hoặc sau khi xem xét theo quy định của điều 91 nhận thấy rằng vụ việc có đủ lý do để cấu thành một tội vi phạm kỷ luật nghiêm trọng, thì quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 sẽ bổ nhiệm một ban thẩm tra. Trong khi tiến hành thẩm tra, người bị tố cáo sẽ được thông báo nội dung tố cáo và tóm tắt chứng cứ và người bị tố cáo sẽ có điều kiện giải trình. Sau khi ban thẩm tra kết thúc các thủ tục, thì các kết quả thẩm tra và ý kiến sẽ được báo cho quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57.

Nếu quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 nhận thấy rằng người bị tố cáo đã không vi phạm kỷ luật như tố cáo thì vụ việc sẽ chấm dứt. Tuy nhiên nếu nhận thấy rằng người bị tố cáo đã vi phạm kỷ luật như tố cáo, sẽ tiếp tục tiến hành các thủ tục tiếp theo như quy định của điều 96 hoặc điều 97 tùy trường hợp cụ thể.

Điều 94: Đối với việc bổ nhiệm ban thẩm tra trong trường hợp các công chức ở vào các vị trí công việc khác nhau, hoặc các Cục/Vụ khác nhau hoặc các Bộ khác nhau, bị tố cáo cùng nhau vi phạm kỷ luật, thì sẽ tiến hành các thủ tục dưới đây:

- (1) Đối với các công chức trong cùng Cục/Vụ, là nơi mà tổng giám đốc hoặc thư ký thường trực bị tố cáo đã cùng vi phạm kỷ luật với một công chức dưới quyền, thì thư ký thường trực hoặc Bộ trưởng chịu trách nhiệm tùy trường hợp cụ thể sẽ là người đứng ra bổ nhiệm ban thẩm tra.
- (2) Đối với công chức ở các Cục/Vụ khác nhau trong cùng một Bộ là những người bị tố cáo đã cùng nhau vi phạm kỷ luật, thì thư ký thường trực sẽ là người đứng ra bổ nhiệm ban thẩm tra, trừ trường hợp thư ký thường trực cũng cùng bị tố cáo, thì Bộ trưởng chịu trách nhiệm sẽ là người đứng ra bổ nhiệm ban thẩm tra.
- (3) Đối với công chức ở các Bộ khác nhau bị tố cáo đã cùng nhau vi phạm kỷ luật, thì các quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 sẽ cùng nhau bổ nhiệm ban thẩm tra, trừ trường hợp những người bị tố cáo cũng bao gồm cả người nắm giữ chức vụ lãnh đạo cấp cao hơn, thì Thủ tướng sẽ là người đứng ra bổ nhiệm ban thẩm tra.
- (4) Các trường hợp khác sẽ do Quy chế Ban Công vụ quy định.

Điều 95: Các quy định, thủ tục và thời hạn liên quan tới các quy trình thủ tục kỷ luật sẽ do Quy chế Ban Công vụ quy định.

Trong trường hợp vi phạm kỷ luật đã rõ ràng như quy định của Quy chế Ban Công vụ, sẽ tiến hành các quy trình thủ tục kỷ luật mà không cần thẩm tra.

Điều 96: Trường hợp công chức vi phạm kỷ luật không nghiêm trọng, thì quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 sẽ ra quyết định kỷ luật dưới hình thức cảnh cáo bằng văn bản, trừ lương, hạ bậc lương, sao cho phù hợp với vụ việc và xứng đáng với việc vi phạm kỷ luật.

Trong trường hợp có tình tiết giảm nhẹ, thì những tình tiết đó sẽ được tính đến coi như các yếu tố giảm nhẹ, miễn là cảnh cáo bằng văn bản sẽ chỉ áp dụng trong trường hợp vi phạm kỷ luật mức độ nhẹ.

Trong trường hợp vi phạm kỷ luật mức độ nhẹ và có lý do không áp dụng kỷ luật, thì không nên thi hành kỷ luật mà thay vào đó là một bản cam kết không tái phạm hoặc chỉ khiển trách.

Khi áp dụng hình thức kỷ luật theo quy định của điều này, phạm vi thẩm quyền của quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 để áp dụng kỷ luật đối với cấp dưới đối với một vi phạm cụ thể và phạm vi của hình thức kỷ luật sẽ do Quy chế Ban Công vụ quy định.

Điều 97: Theo quy định của khoản (2) công chức vi phạm kỷ luật nghiêm trọng sẽ bị kỷ luật với hình thức bãi nhiệm và buộc thôi việc tùy theo mức độ nghiêm trọng của vụ việc. Các tình tiết giảm nhẹ có thể được tính đến với tư cách là các yếu tố giảm nhẹ, nhưng trong mọi trường hợp hình thức kỷ luật không được nhẹ hơn mức bãi nhiệm.

Trong trường hợp ban thẩm tra hoặc người bổ nhiệm ban thẩm tra theo quy định của điều 93 khoản (1), hoặc người được ủy quyền theo quy định của điều 94, nhận thấy rằng công chức đã có vi phạm kỷ luật nghiêm trọng, quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 sẽ chuyển vụ việc sang cho tiểu Ban Công vụ của tỉnh, tiểu Ban Công vụ của Cục/Vụ hoặc tiểu Ban Công vụ của Bộ, là những cơ quan chủ quản của người bị tố cáo, để xem xét giải quyết tùy trường hợp cụ thể. Sau khi tiểu Ban Công vụ đó đã có nghị quyết, thì quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 sẽ ra một quyết định hoặc tuân thủ với nghị quyết đó. Những nội dung nêu ở trên sẽ phải phù hợp với các quy định và thủ tục do Quy chế Ban Công vụ quy định.

Trong trường hợp quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 không thực thi thẩm quyền như được quy định tại điều 93 khoản (1), điều 94 hay điều này, thì quan chức giám sát theo quy định của điều 57 cấp cao hơn sẽ có thẩm quyền tiến hành thủ tục theo quy định của điều 93 khoản (1), điều 94 hoặc điều này.

Người bị thi hành kỷ luật với hình thức bãi nhiệm sẽ có quyền được hưởng phụ cấp hưu trí và lương hưu trí giống như người đó thôi không làm việc cho Chính phủ.

Điều 98: Trường hợp công chức cung cấp thông tin cho quan chức giám sát quản lý, hay đưa ra lời khai với tư cách là người làm chứng cho người tiến hành điều tra, thẩm tra hoặc thanh tra theo quy định của pháp luật hoặc các quy định của các cơ quan chính quyền, thì quan chức giám sát quản lý có thể xem xét để khen thưởng coi đó là trường hợp đặc biệt.

Trường hợp công chức ở vào một vị trí có tiềm năng bị tố cáo là đã cùng vi phạm kỷ luật với công chức khác, cung cấp thông tin cho quan chức quản lý giám sát, hoặc khai báo với một người hoặc một nhóm người theo các quy định của khoản (1) liên quan tới vi phạm kỷ luật đã xảy ra, mà chính đó là nguyên nhân cho việc tiến hành thẩm tra kỷ luật đối với người gây ra vi phạm, thì quan chức giám sát quản lý có thể thực hiện thẩm quyền của mình để chỉ định người đó làm nhân chứng hoặc xem xét để giảm bớt mức độ kỷ luật sao cho phù hợp với vụ việc.

Công chức nào cung cấp thông tin không trung thực hoặc khai báo với tư cách người làm chứng không trung thực theo quy định của khoản (1) hoặc khoản (2) sẽ bị coi là đã vi phạm kỷ luật.

Các quy định và thủ tục đối với việc khen thưởng, chỉ định nhân chứng, giảm bớt mức độ kỷ luật và bảo vệ nhân chứng sẽ do Quy chế Ban Công vụ quy định.

Quy chế Ban Công vụ đối với bảo vệ nhân chứng như theo quy định của khoản (4) sẽ cung cấp các quy định và thủ tục cho Văn phòng Ban Công vụ hoặc quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp đặt theo quy định của điều 57 để thực hiện sắp xếp lại, chuyển chuyển hoặc có hành động khác mà không cần đến sự đồng ý hoặc phê chuẩn của quan chức giám sát quản lý của người đó, và không phải tuân thủ các bước hoặc các quy trình được quy định trong Luật này.

Điều 99: Các thành viên của ban thẩm tra theo quy định của điều 93 khoản (1) sẽ là những quan chức có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật hình sự và cũng có các thẩm quyền tương tự với tư cách là các quan chức thẩm tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự trong phạm vi chúng liên hệ tới các thẩm quyền và nhiệm vụ của ban thẩm tra, và cụ thể là cũng sẽ có những thẩm quyền dưới đây:

- (1) Triệu tập một Bộ, Cục/Vụ, cơ quan Chính phủ, doanh nghiệp Nhà nước, các cơ quan Nhà nước khác hoặc các liên doanh hay công ty để cung cấp cứ liệu, giao nộp tài liệu và chứng cứ có liên quan, cử một đại diện hoặc người thay mặt để khai báo hoặc tường trình liên quan tới vấn đề đang được thẩm tra.
- (2) Triệu tập người bị tố cáo hoặc bất kể người nào để khai báo hoặc tường trình hoặc giao nộp tài liệu và chứng cứ có liên quan tới vấn đề đang thẩm tra.

Điều 100: Trường hợp công chức là đối tượng của việc tố cáo bằng văn bản là đã có hành động hoặc không hành động qua đó cấu thành một trường hợp vi phạm kỷ luật nghiêm trọng, nếu lời tố cáo được đưa ra nhằm vào quan chức giám sát quản lý của người đó, hoặc nhằm vào người đang tiến hành các cuộc điều tra và các cuộc thẩm tra hoặc các cuộc thanh tra theo quy định của pháp luật hoặc các quy định của các cơ quan chính quyền, hoặc lời tố cáo là của quan chức giám sát tố cáo của người đó, hoặc là đối tượng của truy tố hình sự hoặc nghi ngờ đã có tội phạm hình sự mà không phải là một tội gây ra do sao nhãng không liên quan tới công vụ hay là một tội phạm không nghiêm trọng, cho dù nếu sau đó người đó thôi không còn làm việc cho Chính phủ vì các lý do khác không phải do từ trần, thì người có thẩm quyền tiến hành các thủ tục kỷ luật sẽ có thẩm quyền tiến hành các cuộc điều tra hoặc các cuộc xem xét và tiếp tục với các thủ tục kỷ luật như được quy định trong Chương này như thể người đó vẫn chưa nghỉ việc của Chính phủ, miễn là quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 phải thực hiện thẩm tra theo quy định của điều 93 khoản một trong vòng 180 ngày kể từ ngày người đó thôi không còn làm việc cho Chính phủ.

Trong trường hợp của khoản một nếu kết quả thẩm tra và xem xét nhận thấy rằng người đó đã vi phạm kỷ luật không nghiêm trọng, thì sẽ không kỷ luật.

Điều 101: Trong trường hợp công chức là đối tượng của tố cáo rằng đã vi phạm kỷ luật nghiêm trọng qua đó dẫn đến việc bổ nhiệm một ban thẩm tra hoặc công tố hình sự hoặc trở thành đối tượng nghi vấn của ủy ban tội phạm hình sự, trừ trường hợp các tội vi phạm là do sao nhãng hay là vi phạm không nghiêm trọng, quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 sẽ không có thẩm quyền ra quyết

đình đình chỉ công tác hoặc tạm thời chấm dứt công tác trong khi chờ kết quả thẩm tra hoặc xem xét hoặc kết quả giải quyết vụ việc.

Nếu sau đó việc thẩm tra hoặc xem xét nhận thấy rằng người đó không vi phạm hoặc có vi phạm nhưng không tới mức kỷ luật đình chỉ công tác hoặc buộc thôi việc và không có các lý do khác để đình chỉ công tác, thì người có thẩm quyền đó sẽ ra quyết định để người đó tiếp tục thực hiện các chức năng công vụ hoặc tiếp tục công tác trong vị trí công việc ban đầu hoặc vị trí khác trong cùng phân loại và bậc công việc, hoặc trong cùng một phân loại và công việc do Ban Công vụ quy định, miễn là người đó đáp ứng được các yêu cầu về trình độ đối với vị trí công việc đó.

Trường hợp công chức là đối tượng của một quyết định đình chỉ hoặc tạm thời thôi công tác cho Chính phủ, nếu sau đó nhận thấy rằng người đó là đối tượng của một trường hợp tố cáo khác là đã vi phạm kỷ luật nghiêm trọng, quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 sẽ có thẩm quyền tiến hành các cuộc điều tra hoặc xem xét và bổ nhiệm một ban thẩm tra theo quy định của điều 93, bao gồm cả thẩm quyền tiếp tục với các thủ tục kỷ luật như được quy định trong Chương này.

Trong trường hợp một người tạm thời bị buộc đình chỉ công tác được quyết định tiếp tục công tác, hoặc được quyết định đình chỉ công tác vì các lý do khác chứ không phải là bị kỷ luật do đã vi phạm kỷ luật nghiêm trọng, thì người đó sẽ giữ nguyên địa vị công chức của mình trong suốt thời gian bị tạm đình chỉ công tác như thể là người công chức đó đã bị đình chỉ công tác.

Tiền lương, các khoản thanh toán hàng tháng khác và các phụ cấp khác, và việc thanh toán những khoản tiền đó cho người bị đình chỉ công tác và cho người tạm thời dừng công tác sẽ được tiến hành phù hợp với các quy định của pháp luật hoặc các quy định về những vấn đề đó.

Việc đình chỉ công tác sẽ tiếp tục có hiệu lực trong suốt thời gian thẩm tra và xem xét, trừ trường hợp người bị đình chỉ công tác có đơn đề nghị theo quy định của điều 152 và người có thẩm quyền xem xét đơn đề nghị đó nhận thấy rằng sẽ là phù hợp nếu quyết định cho phép người đó tiếp tục thực hiện công vụ trước khi kết thúc thẩm tra hay xem xét vì hành vi của người bị đình chỉ công tác không tạo trở ngại cho việc thẩm tra hay xem xét, và không gây ra sự rắc rối tiếp theo, hoặc vì các thủ tục kỷ luật đã kéo dài một năm kể từ ngày đình chỉ công tác mà vẫn chưa hoàn thành và người bị đình chỉ công tác không còn thể hiện những hành vi đó nữa, trong trường hợp đó người có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ công tác sẽ quyết định rằng người đó tiếp tục thực thi công vụ trước khi hoàn thành thẩm tra hay xem xét.

Các quy định của khoản sáu cũng sẽ áp dụng cho trường hợp ra quyết định buộc thôi việc tạm thời.

Các quy định và thủ tục liên quan tới việc đình chỉ công tác, cho thôi việc tạm thời, thời gian đình chỉ công tác và thôi việc tạm thời, tiếp tục thực thi công vụ, hoặc tiếp tục công tác và các quy trình thủ tục tiếp theo sau khi có kết quả thẩm tra và xem xét sẽ được thực hiện như theo quy định của Quy chế Ban Công vụ.

Điều 102: Việc kỷ luật một công chức trong cơ quan Chính phủ thực hiện theo quy định của luật về kỷ luật công vụ, trong trường hợp vi phạm kỷ luật không nghiêm trọng theo quy định của Luật này, có thể được áp dụng như được quy định trong Luật này hoặc một trường hợp cảnh cáo khiến trách hoặc kỷ luật theo quy định của luật về kỷ luật công vụ có thể được áp dụng nếu thấy phù hợp với vụ việc và hoàn cảnh. Tuy nhiên trong trường hợp vi phạm kỷ luật nghiêm trọng theo quy định của Luật này, cho dù đã khiển trách cảnh các

hoặc đã kỷ luật theo quy định của luật đó, thì quan chức giám sát quản lý sẽ tiến hành các thủ tục như quy định của Luật này.

Điều 103: Sau khi quan chức giám sát quản lý đã ra quyết định kỷ luật theo quy định của Luật này hoặc khiến trách cảnh cáo theo quy định của một luật cụ thể về kỷ luật công vụ, hoặc ra quyết định kết thúc vụ việc, hoặc không kỷ luật, thì sẽ phải nộp một báo cáo cho tiểu Ban Công vụ của Bộ là nơi người đó đang là đối tượng của các thủ tục kỷ luật đang được xem xét, trừ trường hợp các thủ tục kỷ luật đối với các công chức từ các Bộ khác nhau hoặc vụ việc kỷ luật có thủ tục theo nghị quyết của tiểu Ban Công vụ của Bộ theo quy định của điều 97 khoản hai theo đó phải nộp báo cáo cho Ban Công vụ. Những nội dung nói ở trên sẽ được quy định theo Quy định của Ban Công vụ.

Trong trường hợp tiểu Ban Công vụ của Bộ hoặc Ban Công vụ nhận thấy rằng thủ tục kỷ luật là không chính xác hoặc không phù hợp, nếu có một nghị quyết, thì quan chức giám sát quản lý sẽ ra quyết định thực hiện nghị quyết của tiểu Ban Công vụ của Bộ hoặc của Ban Công vụ.

Trong trường hợp quy định của khoản hai và các thủ tục theo quy định của điều 104, Ban Công vụ sẽ có thẩm quyền tiến hành một cuộc thẩm tra mới hoặc thẩm tra bổ sung theo các quy định và thủ tục do Ban Công vụ quy định tại điều 95.

Điều 104: Trong khi tiến hành thủ tục của tiểu Ban Công vụ của Bộ theo quy định của điều 97 khoản hai hoặc điều 103 khoản hai, nếu một đại diện của Ban Công vụ là ủy viên của tiểu Ban Công vụ của Bộ đó nhận thấy rằng các thủ tục của quan chức giám sát quản lý hoặc nghị quyết của tiểu Ban Công vụ của Bộ cấu thành sự bất tuân thủ đối với Luật này hoặc một trường hợp áp dụng không phù hợp, thì sẽ nộp báo cáo cho Ban Công vụ để có thêm hành động hoặc để tiếp nhận là phù hợp đối với vụ việc, và đối với nghị quyết của Ban Công vụ, quan chức giám sát quản lý sẽ ra quyết định hoặc thực hiện nghị quyết của Ban Công vụ. Những nội dung nói ở trên sẽ có một trường hợp ngoại lệ khi người bị phạt kỷ luật đã khiếu nại quyết định trừng phạt đó của quan chức giám sát quản lý lên Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài, trong trường hợp đó Ban Công vụ sẽ thông báo cho Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài về nghị quyết của mình coi đó là một phần của việc xem xét phúc thẩm.

Điều 105: Khi có một lý do để áp dụng mức kỷ luật nặng hơn, giảm nhẹ kỷ luật, không kỷ luật hoặc xá tội, quan chức ra quyết định sẽ ban hành một quyết định, và quyết định đó sẽ ra lệnh hủy bỏ quyết định ban đầu cùng với quy định cụ thể về thủ tục cần tiến hành liên quan tới kỷ luật đã được thụ lý, như theo quy định của Quy chế Ban Công vụ.

Điều 106: Trường hợp công chức được chuyển chuyên theo quy định của điều 64 tham gia vào một trường hợp vi phạm kỷ luật trước ngày được chuyển chuyên, thì quan chức giám sát quản lý của công chức đó sẽ thực hiện các thủ tục kỷ luật theo quy định của Luật này với những sửa đổi thích đáng về chi tiết. Tuy nhiên nếu vấn đề còn đang được điều tra hoặc xem xét hoặc thẩm tra bởi quan chức giám sát quản lý trước đó trước ngày chuyển chuyên, thì việc điều tra hoặc xem xét hoặc thẩm tra sẽ tiếp tục cho đến khi hoàn tất và vấn đề sẽ được chuyển tới quan chức giám sát quản lý của công chức đó để có thủ tục tiếp theo theo quy định của Chương này với những sửa đổi thích đáng về chi tiết, miễn là việc quyết định kỷ luật đó sẽ phải phù hợp với mức độ vi phạm và hình thức kỷ luật theo quy định của luật về quản lý nhân sự địa phương hoặc của luật về quản lý hành chính đối với công chức được chuyển chuyên tùy trường hợp cụ thể.

Chương 8

Chấm dứt công tác và nghỉ hưu

Điều 107: Công chức thôi không công tác cho Chính phủ trong các trường hợp sau:

- (1) Từ trần
- (2) Thôi không làm việc cho Chính phủ theo quy định của luật về phụ cấp hưu trí và lương hưu trí trong công vụ
- (3) Từ chức không làm việc cho Chính phủ với khoản phụ cấp từ chức, hoặc từ chức có hiệu lực theo quy định của điều 109.
- (4) Cho nghỉ công tác theo quy định của điều 59, điều 67, điều 101, điều 110 hoặc điều 111; hoặc
- (5) Bãi nhiệm hoặc buộc thôi việc.

Điều 108: Công chức đến tuổi 60 vào cuối năm ngân sách và do nhu cầu của công việc đòi hỏi phải tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật hoặc các nhiệm vụ yêu cầu các kỹ năng cá nhân hoặc ở vào vị trí công việc theo quy định của điều 46 (3)(d) hoặc (e) hoặc (4)(c) hoặc (d) có thể tiếp tục công tác không quá 10 năm theo Quy chế của Ban Công vụ.

Điều 109: Công chức có nguyện vọng nghỉ công tác sẽ nộp đơn xin nghỉ công tác cho quan chức giám sát quản lý trực tiếp của mình, và đơn xin nghỉ công tác đó phải nộp ít nhất 30 ngày trước ngày nghỉ công tác, để giúp quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 có điều kiện xem xét trước ngày nghỉ công tác của công chức.

Trong trường hợp công chức có nguyện vọng nghỉ công tác nộp đơn xin nghỉ công tác trước không quá 30 ngày, và quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 nhận thấy rằng có đầy đủ lý do và sự cần thiết thì có thể cho phép công chức được nghỉ công tác vào đúng ngày nghỉ công tác theo nguyện vọng.

Trong trường hợp quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 nhận thấy cần thiết vì lợi ích của cơ quan Chính phủ thì đơn xin nghỉ công tác có thể không được giải quyết không quá 90 ngày kể từ ngày đề nghị xin nghỉ công tác. Trong trường hợp đó nếu người xin nghỉ công tác không rút lại đơn xin nghỉ công tác trước khi kết thúc thời hạn không giải quyết đơn, thì việc nghỉ công tác sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày thời hạn không giải quyết đơn đã hết.

Trong trường hợp quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 không từ chối giải quyết theo quy định của khoản ba thì việc nghỉ công tác sẽ có hiệu lực kể từ ngày nghỉ công tác theo đề nghị.

Trong trường hợp công chức có nguyện vọng nghỉ công tác cho Chính phủ để nắm giữ một vị trí công tác trong một cơ quan độc lập theo quy định của Hiến pháp, một vị trí chính trị, hoặc một vị trí khác theo quy định của Ban Công vụ, hoặc để đăng ký ứng viên trong một cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, thành viên của các hội đồng địa phương hoặc các nhà quản lý hành chính địa phương, thì sẽ phải nộp đơn xin nghỉ công tác cho quan chức giám sát quản lý theo quy định của khoản một, và việc nghỉ công tác sẽ có hiệu lực kể từ ngày nghỉ công tác theo như đề nghị của người đó.

Các quy định và thủ tục liên quan tới việc nghỉ công tác, việc xem xét nghỉ công tác, và việc không giải quyết nghỉ công tác cho Chính phủ được quy định bởi Quy định của Ban Công vụ.

Điều 110: Quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 có thẩm quyền cho công chức nghỉ công tác cho Chính phủ để nhận các khoản phụ cấp lương hưu bồi thường và lương hưu theo quy định của luật về phụ cấp lương hưu và lương hưu trong công vụ trong các trường hợp dưới đây:

- (1) Khi công chức bị ốm đau hoặc không thể thực hiện công vụ một cách đều đặn.
- (2) Khi công chức nộp đơn xin nghỉ công tác như mong muốn của các cơ quan chính quyền.
- (3) Khi công chức không có đủ các trình độ chung như quy định của điều 36 A(1) hoặc (3), hoặc thuộc diện bị cấm theo quy định của điều 36 B(1), (3), (6) hoặc (7).
- (4) Khi các cơ quan chính quyền kết thúc hoặc giải thể một cơ quan hay một vị trí công việc do công chức đó đảm nhiệm hoặc nắm giữ trong trường hợp đó người nghỉ công tác cho Chính phủ cũng sẽ nhận được bồi thường theo các quy định, thủ tục và các điều kiện do Bộ Tài chính quy định.
- (5) Khi công chức không thể thực hiện các chức năng công vụ một cách có hiệu quả hoặc với mức độ hiệu lực hiệu quả theo quy định của cơ quan chính quyền.
- (6) Khi công chức bị giảm năng lực thực hành liên quan đến việc thực hiện công vụ, có sai sót khiếm khuyết trong công vụ hoặc tự mình cư xử không phù hợp với các trách nhiệm công vụ, trong những trường hợp đó việc người đó tiếp tục công tác sẽ có hại cho công vụ.
- (7) Khi công chức là đối tượng của một cuộc thẩm tra về một vụ vi phạm kỷ luật nghiêm trọng theo quy định của điều 93 và kết quả thẩm tra không đưa ra được chứng cứ đủ rõ ràng cho việc áp dụng một hình thức kỷ luật theo quy định của điều 97 khoản một, thế nhưng việc mất danh dự hoặc nghi kỵ như vậy trong việc bị thẩm tra đó lớn tới mức nếu để người đó tiếp tục công tác sẽ rất có hại cho công vụ.
- (8) Khi công chức thụ lý một án tù do bị tuyên án tù vì một vi phạm mắc phải do sao nhãng hoặc một vi phạm không nghiêm trọng hoặc thụ lý một án tù theo phán quyết của tòa án chưa tới mức dẫn đến bị đình chính công tác hoặc bị buộc thôi việc.

Quyết định cho nghỉ công tác theo quy định của khoản một sẽ được thực hiện như quy định của Quy chế Ban Công vụ, qua đó điều 97 khoản hai sẽ được áp dụng với những sửa đổi thích đáng về chi tiết đối với việc nghỉ công tác trong trường hợp không có đủ trình độ chung như theo quy định của điều 36 A(3) hoặc (3), trường hợp của (6) và trường hợp của (7).

Quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 cho công chức nghỉ công tác cho Chính phủ theo quy định của Chương này, sẽ phải nộp một báo cáo cho tiểu Ban Công vụ của Bộ hoặc Ban Công vụ tùy trường hợp cụ thể, và sẽ áp dụng điều 103 với những sửa đổi thích đáng về chi tiết.

Điều 111: Khi công chức gia nhập quân đội theo quy định của luật nghĩa vụ quân sự, quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 cho công chức đó nghỉ công tác cho Chính phủ.

Trường hợp một người bị nghỉ công tác cho Chính phủ theo quy định của khoản một, và sau đó nhận thấy rằng người đó là đối tượng của một vụ việc đòi hỏi phải bị cho nghỉ công tác theo quy định của một điều khác trước khi gia nhập quân đội, thì quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 sẽ có thẩm quyền sửa đổi quyết định cho nghỉ công tác theo quy định của khoản một đối với việc cho nghỉ công tác theo quy định của điều khác đó.

Điều 112: Trong trường hợp quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 không thực hành thẩm quyền theo quy định của điều 110 mà không có lý do chính đáng, thì quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 ở cấp cao hơn sẽ có thẩm quyền tiến hành các thủ tục theo quy định của điều 110.

Điều 113: Việc nghỉ công tác của một công chức giữ một vị trí do nhà Vua bổ nhiệm sẽ được trình lên nhà Vua để có Mệnh lệnh Hoàng gia miễn nhiệm chức vụ kể từ ngày nghỉ công tác, trừ trường hợp việc nghỉ công tác đó là do từ trần, mà trong trường hợp đó vẫn đề cũng được trình nhà Vua để ghi nhận.

Chương 9 **Phúc thẩm**

Điều 114: Người là đối tượng của quyết định xử phạt theo quy định của Luật này hoặc bị cho nghỉ công tác theo quy định của điều 110 (1), (3), (5), (6), (7) và (8) có quyền yêu cầu phúc thẩm tới Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài trong vòng 30 ngày kể từ khi được biết hoặc coi là đã biết về quyết định đó.

Các trường hợp phúc thẩm và xem xét các trường hợp phúc thẩm theo quy định của khoản một sẽ do Quy chế Ban Công vụ quy định.

Điều 115: Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài có thể tự mình tiến hành xem xét các trường hợp phúc thẩm, hoặc có thể bổ nhiệm một ủy ban phúc thẩm để tiến hành xem xét phúc thẩm, như theo quy định của Quy chế Ban Công vụ.

Điều 116: Khi có phán quyết về trường hợp phúc thẩm của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài, thì quan chức giám sát quản lý có thẩm quyền ra quyết định sắp xếp theo quy định của điều 57 sẽ tiến hành thực hiện phán quyết đó trong vòng 30 ngày kể từ ngày phán quyết của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài.

Trong trường hợp người yêu cầu phúc thẩm không đồng ý với phán quyết của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài, sẽ gửi một văn bản đề nghị lên Tòa án Hành chính Tối cao trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc coi là nhận được phán quyết của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài.

Quan chức giám sát quản lý là người không tuân thủ quy định của khoản một sẽ bị coi là vi phạm có chủ định sao nhãng một cách sai trái việc thực thi công vụ nhằm gây tổn hại cho một người khác.

Điều 117: Trong khi thực thi công vụ theo quy định của Luật này, các thành viên của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài và Ủy ban phúc thẩm sẽ là những quan chức có thẩm quyền theo quy định của Luật Hình sự và sẽ có các thẩm quyền dưới đây:

- (1) Ra lệnh cho quan chức giám sát quản lý có quyết định xử phạt hoặc ra lệnh cho nghỉ công tác mà đó chính là nguyên nhân của đề nghị phúc thẩm để gửi hồ sơ thẩm tra và xử phạt cho Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài trong thời gian quy định.
- (2) Ra lệnh cho Bộ, Cục/Vụ, doanh nghiệp Nhà nước và cơ quan Nhà nước khác, kể cả các tổ chức hành chính địa phương liên quan tiến hành một cuộc thẩm tra mới hoặc thẩm tra bổ sung hoặc cử một quan chức hoặc đại diện của quan chức đó để khai báo, trong trường hợp đó cũng sẽ quy định thời hạn đối với cuộc thẩm tra mới hoặc thẩm tra bổ sung.

- (3) Ban hành giấy triệu tập đối với quan chức, nhân viên hoặc người làm công ăn lương của một Bộ, Cục/Vụ, cơ quan Chính phủ, doanh nghiệp Nhà nước, hoặc cơ quan Nhà nước khác hoặc tổ chức chính quyền địa phương hoặc bất kỳ người nào liên quan để khai báo hoặc đệ nộp các tài liệu hoặc chứng cứ liên quan.
- (4) Vào các tòa nhà hoặc bất cứ cơ sở nào liên quan tới việc thực thi công vụ của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài, vào một thời điểm ban ngày, hoặc trong giờ hoạt động của các cơ sở đó.
- (5) Tiến hành một cuộc thẩm tra mới hoặc thẩm tra bổ sung.

Điều 118: Việc xem xét đề nghị phúc thẩm theo quy định của điều 114 sẽ được hoàn tất trong vòng 120 ngày kể từ ngày thụ lý đề nghị phúc thẩm, trừ trường hợp gặp khó khăn ngăn cản việc hoàn tất việc xem xét bên trong khoảng thời gian đó, thời hạn có thể kéo dài không quá hai lần, mỗi lần gia hạn như vậy không quá 60 ngày, và những khó khăn gặp phải phải được ghi chép lại và làm rõ.

Điều 119: Công chức chuyển chuyên theo quy định của điều 64 là đối tượng của việc xử phạt kỷ luật trước ngày chuyển chuyên, và người đó có quyền đề nghị phúc thẩm theo quy định của luật quản lý nhân sự địa phương hoặc luật quản lý công chức được chuyển chuyên, nhưng vẫn chưa thực hành quyền phúc thẩm theo luật đó, thì sẽ có quyền phúc thẩm theo quy định của điều 114. Tuy nhiên nếu người đó đã thực hành quyền phúc thẩm theo quy định của luật quản lý nhân sự địa phương hoặc luật quản lý công chức được chuyển chuyên, và vào ngày công chức đó được chuyển chuyên để sắp xếp thành công chức, việc xem xét phúc thẩm vẫn còn đang chưa xong, thì vấn đề đó sẽ được chuyển cho Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài để xem xét phúc thẩm.

Điều 120: Trong trường hợp xem xét phúc thẩm, Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài sẽ có thẩm quyền từ chối nghe điều trần về phúc thẩm, bãi bỏ phúc thẩm hoặc ra phán quyết sửa đổi hoặc bãi bỏ lệnh xử phạt và ban hành các biện pháp khắc phục thiệt hại đối với người đề nghị phúc thẩm, hoặc yêu cầu tiến hành các biện pháp nhân danh công lý, như quy định của Quy chế Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài.

Trong khi ra phán quyết yêu cầu phải sửa đổi hoặc có các biện pháp khác theo quy định của khoản một, Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài có thể không áp dụng một hình phạt nặng hơn trừ trường hợp Ban Công vụ đã có thông báo theo quy định của điều 104 rằng một hình thức xử phạt nặng hơn là phù hợp, và trong trường hợp đó Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài có thẩm quyền ra phán quyết đối với hình thức xử phạt nặng hơn.

Điều 121: Trong các trường hợp dưới đây, một ủy viên của ủy ban phúc thẩm có thể bị phản đối:

- (1) Ý thức được các sự kiện trong việc vi phạm kỷ luật mà vì điều đó người đề nghị phúc thẩm bị xử phạt hoặc bị cho nghỉ công tác.
- (2) Có một lợi ích trong việc vi phạm kỷ luật mà vì nó người đề nghị khiếu nại bị xử phạt hoặc bị cho nghỉ công tác.
- (3) Có một lý do để không bằng lòng với người đề nghị phúc thẩm.
- (4) Là một bên tố cáo, hoặc đang là hoặc đã là quan chức giám sát quản lý đã ra quyết định xử phạt hoặc quyết định cho nghỉ công tác.
- (5) Có can dự vào các quy trình thủ tục kỷ luật hoặc cho nghỉ công tác mà vì nó người đề nghị phúc thẩm đã bị xử phạt và đã bị cho nghỉ công tác.

- (6) Có một mối quan hệ thông qua họ hàng hoặc quan hệ hôn nhân với người theo quy định của (1), (2), (3), hoặc (4) mà điều đó có thể gây ra sự bất công bằng cho người đề nghị phúc thẩm.

Một ủy viên của ủy ban phúc thẩm ở vào một trường hợp theo quy định của khoản một sẽ thông báo cho Trưởng ban của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài và rút lui khỏi việc xem xét phúc thẩm.

Việc trình sự phản đối và việc xem xét sự phản đối sẽ được tiến hành theo quy định của Quy chế Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài.

Chương 10

Khiếu nại

Điều 122: Công chức có một lý do để khiếu nại gây ra bởi việc quan chức giám sát quản lý xử lý hoặc không xử lý bản thân người đó, và việc phúc thẩm đối với vụ việc không được quy định trong Chương 9 Phúc thẩm, có quyền đề đạt khiếu nại theo quy định và thủ tục được quy định trong Chương này.

Điều 123: Một khiếu nại có nguyên nhân nảy sinh từ một quan chức giám sát quản lý sẽ được đề đạt lên cấp trên liên quan của quan chức giám sát quản lý đó. Một khiếu nại có nguyên nhân nảy sinh từ thủ trưởng của một cơ quan Chính phủ cấp Cục/Vụ thuộc diện quản lý và kiểm soát, hoặc trực tiếp chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các chức năng công vụ trước Thủ tướng hoặc Bộ trưởng, Thư ký thường trực, Bộ trưởng chịu trách nhiệm hoặc Thủ tướng, sẽ được đề đạt lên Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài.

Khi có phán quyết của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài về khiếu nại, thì thủ trưởng của một cơ quan Chính phủ cấp Cục/Vụ thuộc diện quản lý và kiểm soát, hoặc trực tiếp chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các chức năng công vụ trước Thủ tướng hoặc Bộ trưởng, Thư ký thường trực, Bộ trưởng chịu trách nhiệm hoặc Thủ tướng, tùy trường hợp cụ thể, sẽ tiến hành các thủ tục để thực hiện phán quyết của Ủy Ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài.

Các khiếu nại và việc xem xét các khiếu nại theo quy định của khoản hai sẽ được quy định bởi Quy chế Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài.

Điều 124: Trong trường hợp xem xét khiếu nại, Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài sẽ có thẩm quyền từ chối nghe điều trần về khiếu nại hoặc ra phán quyết sửa đổi hoặc bãi bỏ lệnh xử phạt và ban hành các biện pháp khắc phục thiệt hại đối với người đề nghị khiếu nại, hoặc yêu cầu tiến hành các biện pháp khác nhân danh công lý, như quy định của Quy chế Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài.

Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài có thể tự mình xem xét khiếu nại, hoặc có thể chỉ định một ủy viên của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài hoặc chỉ định một ủy ban khiếu nại để thực hiện các nhiệm vụ của việc xem xét khiếu nại, phù hợp với Quy chế Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài, và trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Luật này, các thành viên của ủy ban khiếu nại sẽ phải là các quan chức có thẩm quyền theo quy định của Luật Hình sự và sẽ có các thẩm quyền theo quy định của điều 117 với những sửa đổi thích đáng về chi tiết.

Điều 125: Trong các trường hợp dưới đây, một thành viên của ủy ban khiếu nại có thể bị phản đối:

- (1) Là quan chức giám sát quản lý của công chức là người đã gây ra sự quan ngại, hoặc là người có trách nhiệm quản lý và kiểm soát quan chức giám sát quản lý đó.
- (2) Có một lợi ích trong vấn đề khiếu nại.
- (3) Có một lý do để không bằng lòng với người khiếu nại.
- (4) Là họ hàng hoặc có quan hệ hôn nhân với người theo quy định (1), (2) hoặc (3) mà điều đó có thể gây ra sự bất công bằng cho người khiếu nại.

Một ủy viên của ban khiếu nại ở vào một trường hợp theo quy định của khoản một sẽ thông báo cho Trưởng ban của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài và rút lui khỏi việc xem xét khiếu nại.

Việc trình sự phản đối và việc xem xét sự phản đối sẽ được tiến hành theo quy định của Quy chế Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài.

Chương 11 **Bảo vệ hệ thống thực tài**

Điều 126: Trong trường hợp Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài nhận thấy rằng quy chế, quy định, quyết định ban hành theo quy định của Luật này và nhằm mục đích áp dụng chung không nhất quán với hệ thống thực tài theo quy định của điều 42, thì Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài sẽ thông báo cho cơ quan người ban hành những quy chế, quy định, quyết định đó để sửa đổi hoặc bãi bỏ tùy trường hợp cụ thể.

PHẦN V **CÔNG CHỨC HOÀNG GIA**

Điều 127: Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm công chức hoàng gia sẽ được thực hiện theo ý nguyện của nhà Vua.

Phục vụ quản lý nhân sự đối với công chức hoàng gia, một Sắc lệnh Hoàng gia ban hành các quy định và thủ tục về phân loại vị trí công việc, trả lương và phụ cấp chức vụ, sắp xếp, bổ nhiệm, nâng cao hiệu suất và tạo dựng niềm hăng say trong thực thi các chức năng công vụ, đề cao đạo đức, duy trì kỷ luật, nghi công tác, phúc thẩm, khiếu nại và các vấn đề khác có thể được ban hành nếu thấy cần thiết, miễn là không phương hại tới Đặc quyền Hoàng gia theo quy định của khoản một.

Sắc lệnh Hoàng gia theo quy định của khoản hai có thể quy định cho việc áp dụng tất cả hoặc từng phần của các điều khoản quy định trong Luật này, hoặc có thể có những quy định khác với Luật này.

Các điều khoản tạm thời

Điều 128: Ban Công vụ, Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài và tiểu Ban Công vụ Đặc biệt thực hiện các nhiệm vụ vào ngày trước khi Luật này có hiệu lực sẽ tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ cho đến khi Ban Công vụ được nhà Vua bổ nhiệm, hoặc cho đến khi tiểu Ban Công vụ Đặc biệt hoặc tiểu ban của một tiểu Ban Công vụ được bổ nhiệm tùy trường hợp cụ thể theo quy định của Luật này.

Thủ tục bổ nhiệm Ban Công vụ sẽ được hoàn tất trong vòng 120 ngày kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 129: Trong khi các thủ tục vẫn chưa được tiến hành để thành lập Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài, Ban Công vụ sẽ tạm thời đảm trách các nhiệm vụ của Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài theo quy định của Luật này cho đến khi nhà Vua bổ nhiệm Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài theo quy định của Luật này.

Các thủ tục bổ nhiệm Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài sẽ được hoàn tất trong vòng 180 ngày kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 130: Công chức hoặc công chức hoàng gia theo quy định của Luật Công vụ Phạt lịch 2535 (1992) vào ngày trước khi Luật này có hiệu lực sẽ tiếp tục là công chức hoặc công chức hoàng gia theo quy định của Luật này tùy trường hợp cụ thể.

Điều 131: Trong khi Ban Công vụ vẫn chưa ban hành các phân loại công việc theo quy định của điều 48, thì các quy định của PHẦN IV CÔNG CHỨC và PHẦN V CÔNG CHỨC HOÀNG GIA vẫn sẽ chưa được áp dụng. Các quy định trong PHẦN III CÔNG CHỨC và PHẦN IV CÔNG CHỨC HOÀNG GIA theo quy định của Luật Công vụ Phạt lịch 2535 (1992), như đã được sửa đổi bổ sung, sẽ tạm thời áp dụng cho công chức và công chức hoàng gia cho đến khi Ban Công vụ đã hoàn tất việc ban hành các phân loại công việc và xác định các vị trí công việc của công chức trong tất cả các cơ quan Chính phủ thành các phân loại vị trí công việc, nhóm vị trí công việc, và các bậc vị trí công việc phù hợp với các phân loại công việc, và công bố những nội dung đó, qua đó các quy định trong PHẦN IV CÔNG CHỨC và PHẦN V CÔNG CHỨC HOÀNG GIA trong Luật này sẽ được áp dụng kể từ ngày có thông báo của Ban Công vụ, quan chức giám sát quản lý sẽ bổ nhiệm công chức vào các vị trí công việc mới trong vòng 30 ngày kể từ ngày có thông báo của Ban Công vụ.

Trong việc xác định các vị trí công việc và bổ nhiệm công chức theo quy định của khoản một, nếu có những lý do và sự cần thiết, trong từng trường hợp cụ thể Ban Công vụ có thể phê chuẩn việc bổ nhiệm công chức có đủ các phẩm chất khác với các yêu cầu về trình độ theo luật định.

Ban Công vụ sẽ tiếp tục ban hành thông báo theo quy định của khoản một trong vòng một năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 132: Trong khi các Sắc lệnh Hoàng gia vẫn chưa được ban bố, hoặc Quy chế Ban Công vụ hoặc các quy định vẫn chưa được ban hành, hoặc các chỉ thị hay các quy định vẫn chưa được ban hành, trong bất kỳ trường hợp nào nhằm thực hiện theo quy định của Luật này, các Sắc lệnh Hoàng gia, các quy chế quy định của Ban Công vụ hoặc các chỉ thị, hoặc các trường hợp đã được quy định mà trước đây có hiệu lực, sẽ được áp dụng miễn là chúng vẫn nhất quán và không trái với Luật này.

Trong trường hợp các Sắc lệnh Hoàng gia, các quy định, quy tắc, chỉ thị của Ban Công vụ, hoặc các trường hợp đã được quy định, không thể áp dụng được theo quy định của khoản một, thì Ban Công vụ sẽ quy định các quy trình thủ tục.

Điều 133: Công chức là đối tượng của một trường hợp vi phạm kỷ luật hay một trường hợp yêu cầu phải cho nghỉ công tác diễn ra trước khi các quy định trong PHẦN IV CÔNG CHỨC và PHẦN V CÔNG CHỨC HOÀNG GIA của Luật này có hiệu lực, quan chức giám sát quản lý theo quy định của Luật này sẽ có thẩm quyền quyết định xử phạt người đó hoặc quyết định cho người đó nghỉ việc chiếu theo luật công chức có hiệu lực vào lúc bấy giờ. Các cuộc thẩm tra, xem xét, và thủ tục áp dụng xử phạt hoặc cho nghỉ việc sẽ được quy định trong Luật này, trừ các trường hợp sau:

- (1) Trong trường hợp quan chức giám sát quản lý đã quyết định chính đáng một cuộc thẩm tra theo quy định của luật có hiệu lực vào thời gian trước khi các quy định trong PHẦN IV CÔNG CHỨC và PHẦN V CÔNG CHỨC HOÀNG GIA của Luật này có hiệu lực, và việc thẩm tra vẫn đang chưa xong, thì cuộc thẩm tra theo quy định của luật đó sẽ tiếp tục cho đến khi hoàn tất.
- (2) Trong trường hợp một cuộc thẩm tra hoặc xem xét được tiến hành một cách chính đáng theo quy định của luật có hiệu lực vào thời gian đó đã hoàn tất rồi trước khi các quy định trong PHẦN IV CÔNG CHỨC và PHẦN V CÔNG CHỨC HOÀNG GIA của Luật này có hiệu lực, thì cuộc thẩm tra hoặc xem xét sẽ có hiệu lực tùy trường hợp cụ thể.
- (3) Trong trường hợp một báo hoặc một tài liệu tham khảo về một vấn đề hoặc bài trình bày hoặc việc trình bày một hồ sơ cho bất kỳ tiểu Ban Công vụ nào để xem xét đã được tiến hành một cách chính đáng theo luật có hiệu lực vào lúc đó, và tiểu Ban Công vụ vẫn chưa hoàn tất việc xem xét vấn đề thì tiểu Ban Công vụ sẽ tiếp tục việc xem xét của mình cho đến khi hoàn tất theo quy định của luật đó.

Điều 134: Trường hợp một công chức được chuyển từ một công chức địa phương hoặc các thể loại công chức khác trước khi các quy định trong PHẦN IV CÔNG CHỨC và PHẦN V CÔNG CHỨC HOÀNG GIA của Luật này có hiệu lực, một người là đối tượng của vụ việc vi phạm kỷ luật hoặc vụ việc yêu cầu phải cho nghỉ việc hoặc cho nghỉ công tác theo quy định của luật quản lý nhân sự địa phương hoặc luật quản lý các công chức đó trước khi các quy định nhân sự địa phương hoặc luật quản lý theo quy định của Luật này sẽ có thẩm quyền tiến hành thủ tục kỷ luật đối với người đó hoặc các thủ tục để cho công chức đó nghỉ công tác. Điều 106 sẽ áp dụng đối với những phần đã nêu ở trên với những sửa đổi thích đáng về chi tiết.

Điều 135: Trường hợp một người bị xử phạt hoặc cho nghỉ công tác theo quy định của Luật Công vụ Phạt lịch 2535 (1992), nếu vẫn chưa có phúc thẩm hoặc khiếu nại nào được đề đạt theo quy định của Luật đó, và thời hạn của phúc thẩm và khiếu nại vẫn còn vào ngày các quy định trong PHẦN IV CÔNG CHỨC và PHẦN V CÔNG CHỨC HOÀNG GIA của Luật này có hiệu lực, thì người đó sẽ có quyền phúc thẩm hoặc khiếu nại theo quy định của Luật này trong vòng 30 ngày trước khi các quy định trong PHẦN IV CÔNG CHỨC và PHẦN V CÔNG CHỨC HOÀNG GIA của Luật này có hiệu lực.

Điều 136: Các trường hợp phúc thẩm và khiếu nại theo quy định của Luật Công vụ Phạt lịch 2535 (1992) được đề đạt trước khi các quy định trong PHẦN IV CÔNG CHỨC và PHẦN V CÔNG CHỨC HOÀNG GIA của Luật này có hiệu lực, thuộc phạm vi thẩm quyền của tiểu Ban Công vụ hoặc Ban Công vụ, sẽ tiếp tục được tiểu Ban Công vụ hoặc Ban Công vụ xem xét cho đến khi hoàn tất tùy trường hợp cụ thể.

Các trường hợp phúc thẩm và khiếu nại theo quy định của Luật Công vụ Phạt lịch 2535 (1992) được đề đạt với tiểu Ban Công vụ hoặc Ban Công vụ vào ngày hoặc sau ngày các quy định trong PHẦN IV CÔNG CHỨC và PHẦN V CÔNG CHỨC HOÀNG GIA của

Luật này có hiệu lực, và là các trường hợp đã áp dụng hình phạt hoặc đã quyết định trước khi các quy định trong PHẦN IV CÔNG CHỨC và PHẦN V CÔNG CHỨC HOÀNG GIA của Luật này có hiệu lực, sẽ được Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài xem xét.

Điều 137: Đối với bất kể vấn đề nào đang còn chờ thủ tục hoặc trước đây có thể khiếu nại được theo quy định của Luật Công vụ Phạt lịch 2535 (1992) và không được quy định trong Luật này, và có trường hợp không khiếu nại được theo quy định của Luật này, thì Ban Công vụ sẽ có quy định thêm về các quy trình thủ tục với vấn đề đó.

Điều 138: Việc điều chỉnh lương và phụ cấp chức vụ của công chức theo thang bảng lương đi kèm với Luật này sẽ phù hợp với các quy định và thủ tục do Hội đồng Bộ trưởng quy định.

Để phục vụ cho các quy trình thủ tục theo quy định của khoản một, công chức hưởng lương thấp hơn mức lương đối với bậc công việc theo thang bảng lương đi kèm với Luật này sẽ được hưởng lương không thấp hơn mức lương tạm thời theo thang bảng lương đi kèm với Luật này, và sẽ được hưởng mức điều chỉnh lương cho bằng mức lương đối với bậc công việc theo thang bảng lương đi kèm với Luật này, phù hợp với các quy định và thủ tục do Hội đồng Bộ trưởng quy định.

Điều 139: Trong trường hợp luật quản lý các thể loại công chức khác nhau có quy định việc áp dụng hoặc áp dụng luật công vụ với những sửa đổi thích đáng về chi tiết đối với những phần có liên quan đến công chức, Luật Công vụ Phạt lịch 2535 (1992), như đã được sửa đổi bổ sung, sẽ tiếp tục áp dụng hoặc áp dụng với những sửa đổi thích đáng về chi tiết. Việc áp dụng toàn bộ hay một phần Luật này đối với loại công chức đó có thể được thực hiện bởi một nghị quyết của cơ quan quản lý nhân sự Trung ương, hoặc cơ quan thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhân sự Trung ương, đối với thể loại công chức đó, với sự phê chuẩn của Hội đồng Bộ trưởng.

Tiếp ký bởi

Tướng Surayud Chulanont

Thủ tướng.

Ghi chú: - Những lý do để ban hành Luật này là như sau. Luật Hành chính Quốc gia (số 5) Phạt lịch 2545 (2002) đã quy định sửa đổi lịch công vụ nhằm giao nhiệm vụ phù hợp cho Ban Công vụ và Văn phòng Ban Công vụ. Đồng thời, Luật Công vụ Phạt lịch 2535 (1992) cũng đã có hiệu lực một thời gian dài dẫn đến những quy định nhất định không nhất quán với những thay đổi phát triển trong quản lý công vụ. Vì vậy để giao nhiệm vụ phù hợp cho Ban Công vụ và Văn phòng Ban Công vụ, và để điều chỉnh đồng bộ quản lý nhân sự công vụ với các khuynh hướng công vụ, cấp thiết phải sửa đổi luật đó thông qua việc điều chỉnh các vai trò của Ban Công vụ, từ chỗ là cơ quan quản lý nhân sự của ngành hành pháp. Đã tránh được sự trùng lặp với các vai trò của Ủy ban Phát triển Khu vực Công. Các vai trò của hệ thống thực tài đã được giao cho Ủy ban Bảo vệ Hệ thống Thực tài. Các vai trò của Văn phòng Ủy ban Công vụ đã được điều chỉnh từ chỗ là các quan chức tham gia vào các hoạt động của Ban Công vụ và Ủy ban Phát triển Khu vực Công. Các vị trí công

việc của công chức đã được phân loại thành các nhóm dựa trên bản chất công việc và có sự phân cấp lớn về quản lý nguồn nhân lực công cho cơ quan Chính phủ chịu trách nhiệm. Chính vì thế cần thiết phải ban hành Luật này.